

# ĐA LA BỒ TÁT

Biên soạn: HUYỀN THANH

**Đa La Bồ** Tát: tên Phạn là **Tārā**: dịch âm là Đa La; dịch ý là con mắt, Diệu Mục Tinh, **Đồng Tử** (con ngườ), Cự Độ, Cứu Độ, **Tinh Thần** (ngôi sao).

Tạng Ngũ là: **Droma**, Trác Mã, Đóa Mã... dịch ý là Cứu Độ.

Lại dịch là Đa La Mẫu, Đa La Phật Mẫu, Độ Mẫu, Cứu Độ Phật Mẫu.

Trong Ấn Độ Giáo: Tārā là vị Thần **cứu hộ** đứng thứ hai trong 10 vị Nữ Thần **Mahā-vidya** (Daśa-mahā-vidya). Mật Giáo Ấn Độ công nhận Tārā là hiện thân của Mahā-devī, Kālī, Parvatī... ví như một ngôi sao đẹp tự chiếu sáng mãi mãi và Tārā được xem là một niềm khao khát tuyệt đối không bao giờ tắt, tạo lực đẩy cho cả cuộc sống.

Truyền thuyết về Tārā bắt nguồn từ sự kiện khuấy động đại dương giữa chư **Thiên** (Deva) và **A Tu La** (Asura) tạo thành chất độc (Halahala). Vì muốn cứu Thế Giới thoát khỏi sự hủy diệt nên Thần Śiva phải uống chất độc ấy [đây là hiện tượng làm cho cổ họng của Śiva biến thành màu xanh dương và có Hiệu là **Thanh Cảnh** (Nīlakaṇṭha)]. Do cường độ của độc tính nên Śiva đã bất tỉnh, lúc đó **Tārā -ma** hiện ra, đặt Śiva lên đùi và Tārā đã cho Śiva bú sữa, sữa từ bầu ngực của Tārā đã hóa giải chất độc và cứu được Śiva.

Truyền thuyết khác ghi rằng: Để ngăn chặn sự nổi điên của **Kālī**, nên Śiva đã biến thành một đứa trẻ. Khi nhìn thấy đứa trẻ, bản năng làm mẹ của Kālī đã trở dậy và Kālī đã cho đứa trẻ bú sữa. Nhờ thế Śiva đã hút được cơn thịnh nộ của Kālī trong khi bú sữa.



Từ hai truyền thuyết này, Śiva được giả định là trở thành đứa bé sơ sinh khi đối mặt với các Nữ Thần. Chủ yếu Tārā là một hình thức của Durga hoặc Parvatī.

Sự tương đồng giữa Tārā và Kālī rất rõ ràng, không thể nhầm lẫn. Cả hai đều được mô tả là đứng trên thân Śiva đang nằm ngửa trơ ra, hoặc một cái xác giống như vậy. Tuy nhiên, Kālī có thân thể màu đen, còn Tārā có thân thể màu xanh. Cả hai đều lỏa thể, Tārā mặc váy da cạp, Kālī chỉ dùng cánh tay người làm vòng quần chung

quanh để che hạ thể. Cả hai đều đeo vòng cổ làm từ đầu người và vòng quấn cánh tay. Cả hai đều le lưỡi đầy máu hoặc miệng đầy máu



Hình tượng Kālī



Hình tượng Tārā Sự hiện tượng như vậy có sự tương đồng và rất dễ nhầm lẫn với nhau. Sự thật cả hai đều là hiện thân của nhau. Họ chia sẻ tên gọi theo tính mô tả, cũng như có tên của nhau. Tārā được gọi là Kālīka, Ugra-kālī, mahā-kālī và Bhadra-kālī.

Tārā được cho là dễ tiếp cận hơn với Tín Đồ (Bhakta) hoặc Tantrika vì bản năng yêu thương giúp đỡ của bà mẹ (Tù Mẫu: mẹ hiền). Tuy nhiên, phần đông dân Ấn Giáo **Bengal** thường xem Kālī như là người mẹ (**Ma**).

Tārā là vị phối ngẫu của Śiva. Pháp Khí của Tārā là cây đao (Khadga), cây kiếm, cây kéo

Thần Chú quan trọng nhất của Tārā trong 10 Mahā-vidya là:

**Om\_ Aīm hrīm strīm tārāoyī hūm phaṭ**

Thần Chú khác là:

**Om\_ Hrīm srīm hūm phaṭ**

Thần Chú phổ biến trong Nghi Lễ và được cho là Thần Chú mạnh mẽ khiến Tārā hiện thân trước người làm lễ là:

**Om\_ Tāre tuttāre ture svāhā**

\_ Vào khoảng 150 năm sau Tây Lịch, do duy trì ý tưởng Mẫu quyền nên tín ngưỡng về **Nữ Thần Tính** đã được du nhập vào giáo điển Phật Giáo Ấn Độ nhằm thỏa mãn cho ước vọng của con người. Trong giai đoạn này, một số giáo đồ Phật Giáo Ấn Độ chuyên xung tán thờ phụng **Đấng Cứu Thế Mẫu** (Tārāyati) là bà mẹ chuyên giúp đỡ cho con người vượt qua các ách nạn sợ hãi, chấp nhận mọi ước nguyện và dắt dìu từng người vượt qua bờ bên kia. Đồng thời xuất hiện các Kinh Bản rất được ca ngợi và sùng bái là:

1\_ **Đa La Bồ Tát 108 Danh Tán** (Ārya Tārā-Bhaṭṭārikā-Nāmāṣṭōttaraśataka – stotra).

2\_ **Cứu độ Phật Mẫu 21 lễ tán** (Bhagavaty-Ārya-Tārā-Devya Namaskārāika-Vimśati sotraṃ guṇa – hita – sahitam).

3\_ **Thánh Đa La Trì Quan** (Cái mào) **Tán** (Ārya-Tārā-srag-dharā – sottra).

4\_ **Thánh Đa La Cứu Độ Bát Nạn Kinh** (Ārya-Tārā- Aṣṭa-ghora-Tārāṇi – Sūtra).

Dân gian thường ví Ngài như chiếc thuyền cứu vớt người vượt biển lớn sinh tử đi đến bờ bên kia được tự tại nên xưng Tôn này là **Đa La Nễ Vi** (Tārā-devī: Đa La Thiên Nữ) và hay gọi tắt là **Tārā**.

Sau này, do sự nhân cách hóa Trí Tuệ siêu việt nên Đa La Tôn được xem là nguyên lý Âm của **Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát** (Mañjuśrī-Bodhisatva) và biểu tượng cho **Thành Sở Tác Trí** (Kṛtyāmuṣṭhāna-jñāna: Trí Tuệ chuyển mọi hành động của thế gian thành trạng thái giải thoát). Như thế, Tôn này thường song hành với Bồ Tát Văn Thù trong mọi công tác hóa độ chúng sinh.

Từ Ấn Độ, Tín ngưỡng **Tārā** lan rộng đến nhiều nơi trên Thế Giới như: Tây Tạng, Trung Hoa, Nhật Bản, Đại Hàn, Indonesia, Chiêm Thành, Cam Bốt, Thái Lan... và lưu lại rất nhiều Tôn Tượng

Hiện nay nhân dân Ấn Độ hiện đại thì đồng hóa Đa La Tôn với Mẹ Vũ Trụ và sùng kính Ngài qua ảnh tượng Phật Mẫu Śākti.

\_ Theo truyền thống Hoa Văn thì Đa La Tôn được xưng là: Đa La Bồ Tát, Đa Lợi Bồ Tát, Đa Lệ Bồ Tát, Đa Lợi Tôn, **Đạt Ma Đa La** (Dharma Tārā: Pháp Cứu Tôn), **Thánh Đa La Bồ Tát** (Ārya Tārā-bodhisatva) và xưng là **Thánh Cứu Độ Phật Mẫu** (Ārya-Tārā-buddha-mātā).

Hiện đồ **Thai Tạng Giới Man Đà La** (Garbha-dhātu maṇḍala) ghi nhận rằng: Đa La Tôn có vị trí ở hàng thứ nhất, phương bên phải (phương Tây) của Quán Tự Tại trung Quán Âm viện. Do Tôn này chủ về hai Đức: **Đại Bi** (Mahā Kāruṇa) và **Hàng Phục** (Abhicāruka) nên được xem là **Phật Mẫu** (Buddha-mātr) của **Liên Hoa Bộ** (Padma-kulāya) và được tôn xưng là Đa La Phật Mẫu.

Ngoài ra trong Quán Âm viện còn ghi nhận thêm 04 vị Đa La Bồ Tát tu trì thành tựu pháp Quán Âm là:

1\_ **Thanh Cảnh Quán Âm** (Nīlakaṇṭhī) đại chú của tôn này được truyền tụng là Đại Bi Tâm Đà La Ni (Mahā-kāraṇika-citta-dhāraṇī)

2\_ **A Ma Tai Quán Âm** (Avatai: Nguồn hạnh phúc)

2\_ **Hương Vương Quán Âm** (Gandha-rāja)

4\_ **Thủy Nguyệt Quán Âm** (Udaka-candra)

Kinh **Bất Không Quyển Sách (28)** ghi là: “*Đa La Bồ Tát cũng gọi là **Thấp Phế Đa** (Śveta) tức **Bạch Thân Quán Thế Âm Bồ Tát** và cũng gọi là **Tỳ Câu Đề Quán Thế Âm Bồ Tát** (Bhṛkūṭi: Phần Nộ Mẫu)*”.

Kinh **Đại Phương Quảng Man Thù Thất Lợi, phẩm Quán Tự Tại Bồ Tát** ghi là: “*Quán Tự Tại Bồ Tát nhập vào Tam Muội **Phổ Quang Minh Đa La**, dùng sức Tam Muội nên từ con mắt phóng ra ánh sáng lớn và Đa La Bồ Tát liền nương theo ánh sáng đó mà sinh ra. Ánh hào quang của Đa La Bồ Tát chiếu soi tất cả chúng sinh giống như lòng thương xót của người mẹ hiền nhằm cứu độ chúng sinh xa lìa biển khổ sinh tử*”.

Do ý nghĩa này mà Tàra được dịch là con mắt, con người hay **Mục Quang** (Tārā-jvala). Lại nữa, lúc chư Phật Bồ Tát mở mắt thì gọi là Mắt hoa sen xanh từ bi nên Tôn này được xem là thân sở biến của **Hoa sen xanh** (Nīlapadma, hay Utpāla) và có danh hiệu là **Phật Thanh Liên Từ Bi Nhãn** (Buddha-nīla-padma-maitra-kāraṇa-netre). Từ đó Tārā còn được dịch là **Diệu Mục** (Sunetre: Con mắt màu nhiệm).

Kinh **Bất Không Quyển Sách (Hạ)** ghi là: “*Đa La Thiên Nữ Mục Ngôn Đồng Tử*”

Kinh **Tô Ma Hộ (Hạ)** cũng ghi là: “*Đa La là Diệu Mục Tinh*”

Ngoài ra Mật Giáo còn xưng tán Đa La qua danh xưng **Bạch Cứu Độ Phật Mẫu** tức vị Phật Mẫu có thân màu trắng tinh chuyên cứu tế thế gian.

Theo Thầy truyền thì dùng Đại Từ Bi của chư Phật Bồ Tát mà nhiếp Quán Âm, nên các bậc Đại Bi của Quán Âm đều là Đa La Bồ Tát như trong Đại Bản có ghi: “*500 Đa La Tôn đều sinh ra từ mắt của Quán Âm nên là Tam Muội Tử Muội (Chị Em gái) của Đức **Phật A Di Đà** (Amitābha-buddha)*”.

Theo nghĩa rộng thì TA (𑖠) có nghĩa là Thử Như Như, vì bên cạnh có ký hiệu hiển thị cho chữ A (𑖠) mà thành TÀ (𑖠) tức là Hạnh của Như Như

Chữ RA (𑖠) có nghĩa là Trần (bụi bặm) mà sáu Trần hiển thị cho biển lớn sinh tử tức là nơi mà hết thảy chúng sinh bị chìm đắm không thấy bến bờ. Do bên cạnh có ký hiệu chữ A (𑖠): có nghĩ là xưa nay vốn chẳng sinh) nên RÀ (𑖠) tức là Thật tướng của sáu Trần.

Do đó, TĀRĀ là quán LÝ TÍNH của Như Như, cho nên tất cả các Trần đều được biết Như Thật, từ đây vượt qua biển lớn sinh tử đi đến bờ giải thoát bên kia. Chính vì thế mà TĀRĀ được dịch ý là Cứu Độ hay Cứu Độ và mọi người thường xưng tán Ngài qua câu “*Namo Ārya Tārā Jvala Bodhisatvāya mahā-satvāya*” (Quy mệnh Thánh Mục Quang Bồ Tát Ma Ha Tát).

Riêng Mật Giáo Nhật Bản với nhân gian Trung Hoa, Đại Hàn thường xưng tụng Đa La Tôn là một trong 33 vị Quán Âm và sùng bái rộng rãi.

Theo truyền thống Tây Tạng, vào vô lượng kiếp trước có thế giới tên là Tu Quang, khi ấy có Đức Phật ra đời hiệu là **Cổ Âm Như Lai** (Dunḍubhi-svara Tathāgata). Bấy giờ có cô công chúa tên là **Bát Nhã Nguyệt** (Prajñā-candra) có Tuệ căn, kính lễ Tam Bảo. Sau một quá trình cúng dường các Đệ tử của Đức Phật với các bậc Thượng Tọa, nàng Bát Nhã Nguyệt phát thệ nguyện rằng: “*Từ thế giới này cho đến khi thế giới tận, hư không giới tận. Tôi dùng thân nữ để độ chúng sinh*”. Sau khi phát nguyện xong, Bát Nhã Nguyệt liền ngồi quán sáu căn cho đến lúc được Tâm khai,

chứng nhập Vô Sinh Pháp Nhân thành Phật Mẫu độ tất cả Hữu Tình. Đây chính là tiền thân của Độ Mẫu Tārā.

Theo truyền thống khác, trong khi quán sát để cứu độ các chúng sinh đang trầm luân nơi sáu nẻo luân hồi, Đức Quán Thế Âm Bồ Tát chợt xúc động khóc thương cho chúng Hữu Tình nên giọt nước mắt rơi ra từ mắt phải biến thành **Bạch Độ Mẫu** (Sgrol – Ma dhar - Po) còn giọt nước mắt rơi ra từ mắt trái biến thành **Lục Độ Mẫu** (Sgrol – Ma Ljan - Khu) chuyên cứu khổ độ sinh cho chúng sinh. Do vậy, các vị đạo sư Mật Giáo Tây Tạng cho rằng Đa La Tôn là thân hóa hiện của Quán Thế Âm Bồ Tát nên xưng là Đa La Tôn Quán Âm hay Đa La Quán Âm. Và lưu truyền pháp của 21 Độ Mẫu tượng trưng cho 21 hóa thân của Quán Thế Âm Bồ Tát, gồm có:

- 1\_ Lục Độ Mẫu.
- 2\_ Cứu Tai Nạn Độ Mẫu.
- 3\_ Cứu Thủy Tai Độ Mẫu.
- 4\_ Cứu Địa Tai Độ Mẫu.
- 5\_ Cứu Hỏa Tai Độ Mẫu.
- 6\_ Cứu Phong Tai Độ Mẫu.
- 7\_ Tăng Phước Tuệ Độ Mẫu.
- 8\_ Cứu Thiên Tai Độ Mẫu.
- 9\_ Cứu Binh Tai Độ Mẫu.
- 10\_ Cứu Ngục Nạn Độ Mẫu.
- 11\_ Cứu Đạo Nạn (Nạn Trộm Cướp) Độ Mẫu.
- 12\_ Tăng Uy Quyền Độ Mẫu.
- 13\_ Cứu Ma Nạn Độ Mẫu.
- 14\_ Cứu Súc Nạn Độ Mẫu.
- 15\_ Cứu Thú Nạn Độ Mẫu.
- 16\_ Cứu Độc Nạn Độ Mẫu.
- 17\_ Phục Ma Độ Mẫu.
- 18\_ Dục Vương Độ Mẫu.
- 19\_ Trường Thọ Độ Mẫu.
- 20\_ Bảo Nguyên Độ Mẫu.
- 21\_ Như Ý Độ Mẫu.

Trong 21 Độ Mẫu (Sgrol – Ma) thì Đa La Tôn hiện tướng Thiếu nữ, toàn thân màu xanh lục nên được xưng là Lục Độ Mẫu.

Ngoài ra, các vị Lạt Ma Tây Tạng còn truyền dạy cách tu 21 vị Cứu Độ Phật Mẫu của Ấn Độ là:

- 1\_ Cứu Độ Tóc Dững Mẩu (Sgrol – Ma – Myurmadpah – Mo, tên phạn là: Tāre Ture vīre).
- 2\_ Bách Thu Lăng Nguyệt Mẫu (Ston – Kahi zlabakun – Tugsal – Brgya, tên phạn là: Śata-sārac-candra).
- 3\_ Tử Ma Kim Sắc Mẫu (Ser – Sdechū, tên phạn là: Kanaka-Nīlābja).
- 4\_ Như Lai Đỉnh Kế Mẫu (De – bshin – g'segs – pahi – gtsug – tor, tên phạn là: Tathāgatōṣṇīsa).
- 5\_ Đát La Hồng Tự Mẫu (Tārā Hūm yi – ge, tên phạn là: Tuttāra – Hūm - Kāra).
- 6\_ Thích Phạm Hòa Thiên Mẫu (Brgya – byin melha – Tshans – pa, tên phạn là: Śakrānala- Brahma).
- 7\_ Đạc La Đê Phát Mẫu (Trad – Cis \_ Bya – Dan phat, tên phạn là: Traḍiti phat - Kāra).

8\_ Đò Lị Đại Khấn Mẫu (Tures – hjigs – pachen – mo, tên phạn là: Ture Mahā-Ghore).

9\_ Tam Bảo Nghiêm Ấn Mẫu (Dkon – Mchog – Gsum mtshon – phyag – rgya, tên phạn là: Tri– Ratna - Mudrānka).

10\_ Uy Đức Hoan Duyệt Mẫu (Rab – tu – dgah – babrdsid – ba, tên phạn là: pramuditātopa).

11\_ Thủ Hộ Chúng Địa Mẫu (Sa – Gahi skyon – pa, tên phạn là: Samanta– bhū– pāla).

12\_ Đỉnh Quan Nguyệt Tướng Mẫu (Zla – bahibum – bus – dpral – rgyah, tên phạn là: Śikhaṇḍa – khaṇḍēndu).

13\_ Như Tận Kiếp Hòa Mẫu (Bskal – bahi – thamahi – me – ltar, tên phạn là: Kalpānta - hutabhug).

14\_ Thủ Ấn Đại Địa Mẫu (Sa – ba, tên phạn là: Kara - Talāghāta).

15\_ An Ấn Nhu Thiện Mẫu (Bde – Ma dgl – Mashi – Ma, tên phạn là: Śive śubhe śānte).

16\_ Phổ Biến Cực Hỷ Mẫu (Kun – nas – bskor – rab – dgah – ba, tên phạn là: pramuditābandha).

17\_ Đò Lị Ba Đé Mẫu (Turi – Sha – pa, tên phạn là: Ture padāghāta).

18\_ Tát La Thiên Hải Mẫu (Lha – yi – mtsho, tên phạn là: Sura – sarākāra).

19\_ Chư Thiên Tập Hội Mẫu (Lha – yi – tshogs – mams – rgyas – ma, tên phạn là: Sura – gaṇādhyakṣa).

20\_ Nhật Nguyệt Quảng Viên Mẫu (Nima – zla – ba – rgyas – ma, tên phạn là: Candrārka – sampūrṇa).

21\_ Cụ Tam Chân Thật Mẫu (De – nid gsum – Rnam bhod – pa, tên phạn là: Tri – Tattva – vinyāsa).

Từ 21 vị Cứu Độ Phật Mẫu nói trên, các vị Lạt Ma Tây Tạng đã ghi nhận thành 21 hóa thân của Đa La Tôn là:

1\_ Pravīra-Tārā (Thắng Dũng Đa La).

2\_ Candra-kānti-Tārā (Thu Nguyệt Đa La).

3\_ Kanaka- varṇa-Tārā (Kim Sắc Đa La).

4\_ Uṣṇīṣa-vijaya- Tārā (Tối Thắng Đỉnh Đa La).

5\_ Hūm- sarva-nādinī-Tārā (Hồng Nhất Thiết Âm Thanh Đa La).

6\_ Trailokya-vijaya-Tārā (Thắng Tam Thế Đa La).

7\_ Vādi-Pramardaka- Tārā (Tội Hoại Tranh Luận Đa La).

8\_ Māra-sudanā-vasita-uttama-da-Tārā (Tội Hoại Ma Chướng Cập Thí Thắng Thượng Lực Đa La).

9\_ Varada-Tārā (Dữ Nguyện Đa La).

10\_ Śoka-vina-udana-Tārā (Diệt Tận Phiền Não Đa La).

11\_ Jagad-vaśi-vipan-nirbarhaṇa-Tārā (Câu Triệu Hữu Tình Diệt Tận Ác Vận Đa La).

12\_ Kalyāna-da-Tārā (Thí Cát Khánh Đa La).

13\_ Paripācaka-Tārā (Thục Quả Đa La).

14\_ Bhr̥kuṭi-Tārā (Phần Nộ Đa La).

15\_ Mahā-sānti-Tārā (Đại Tịch Tĩnh Đa La).

16\_ Rāga-niśūdana- ārā (Tội Phá Tham Ái Đa La).

17\_ Sukha-sādhana-Tārā (Hỷ Lạc Thành Tựu Đa La).

18\_ Vijaya-Tārā (Tối Thắng Đa La).

19\_ Duḥkha-dahana-Tārā (Tiêu Tận Khổ Não Đa La).

20\_ Siddhi-saṃbhava-Tārā (Thành Tựu Sinh Đa La).

21\_ Paripūrṇa-Tārā (Thắng Mãn Đa La).

Ngoài 21 Tôn này, các vị Đạo Sư Tây Tạng còn ghi nhận thêm danh hiệu **Khadira-vaṇi-Tārā** (Khadira Thọ Lâm Đa La tức vị Tārā của rừng cây Khadira) là thân chính của Lục Đa La, Ngài có thể đổi màu và thay thế cho vai trò của Dữ Nguyên Đa La



Riêng Giáo đồ Phật Giáo Tây Tạng đồng hóa Đa La Tôn với **Nam Hải Phổ Đà Sơn Quán Tụ Tại Bồ Tát** nên xưng tán thờ phụng Ngài qua danh hiệu Đa La Quán Tụ Tại Bồ Tát.

Maṇḍala Ngũ Trí Như Lai của Mật Giáo Tây Tạng ghi nhận rằng: Đa La Tôn chính là Cứu Độ Phật Mẫu hiển thị cho Thành Sở Tác Trí của **Bất Không Thành Tựu Như Lai** (Amogha-siddhi-tathāgata). Trí này nhằm kiện toàn sứ mệnh của chư vị Bồ Tát là thực hiện sự chứng ngộ hoàn toàn, chuyển năm Thức Thân thành phương tiện thiện xảo, chuyển nghiệp thành duyên, chuyển ý niệm tư tưởng thành sự sáng tác sống động, chuyển khổ hạnh thành quả giải thoát. Biểu tượng của Trí này là ánh hào quang màu xanh lục huyền bí được kết tinh qua màu xanh Pháp Tính vũ trụ với màu vàng Từ Bi bình đẳng nhằm nuôi dưỡng xác thân và làm lắng dịu tâm hồn cho mọi chúng sinh đang chìm trong biển khổ đau. Đây cũng chính là **năng lực gia trì** (Adhiṣṭhana) của chư Phật Bồ Tát phù hộ cho những chúng sinh có niềm tin chân thật vượt thoát mọi tai nạn khổ đau. Do ý nghĩa này mà Tàra được tôn xưng bằng danh hiệu **Pháp Cứu Tôn** (Dharma-Tārā).

Mật Giáo Tây Tạng thường minh họa năm vị Tārā biểu thị cho những phương tiện khác nhau tương ứng với năm vị **Thiền Phật** (Dhyāna-buddha) ở năm phương là:

– **Bạch Đa La** (Sīta-Tārā) ở phương trung ương: biểu thị cho Trí Tuệ siêu việt, tinh thần vô nhiễm, phương tiện của giải thoát.

– **Lam Đa La** (Ekajaṭa:Nhất Kế, hay Ugra-Tārā:Uy mãnh Đa La) ở phương Đông: biểu thị cho tinh thần sung mãn, tâm tinh thức

– **Hoàng Đa La** (Bhṛkuṭi:Tỳ Câu Chi) ở phương Nam: biểu thị cho tinh thần thuần khiết, giác ngộ tâm linh.

– **Xích Đa La** (Kurukulla) ở phương Tây: biểu thị cho sức mạnh tình yêu từ Tārā nguyên thủy, tinh thần phấn chấn, đời sống khổ hạnh.

– **Thanh Đa La** (Samaya-Tārā) ở phương Bắc là Tārā nguyên thủy: biểu thị cho tính sẵn sàng cứu khổ phò nguy, chuyển 5 giác quan thành phương tiện thiện xảo, chuyển khổ hạnh thành giải thoát.

– Ngoài ra Tạng Truyền Phật Giáo còn ghi nhận 5 hình thức của Tārā trong Thangka của Tây Tạng ở Thế Kỷ 18 là: Trung tâm là Tārā màu xanh có 8 cánh tay cầm Pháp Khí, bốn góc là bốn vị Tārā màu xanh dương, màu đỏ, màu trắng và màu vàng

Trong năm vị Tārā này thì nhân dân Tây Tạng thường phụng thờ 2 vị **Bạch Tārā** và **Thanh Tārā**

Do tín ngưỡng Tārā phát triển rất mạnh trên đất nước Tây Tạng nên nhân dân Tây Tạng đã xưng tán hai vị Thứ phi của Nhà vua **Khí Tông Lộng Tán** (Srong – Tsan - Gampo) là: **Văn Thành công chúa** (con vua Đường Thái Tôn) là Bạch Đa La Bồ Tát và công chúa Xứ Nê Pan (Nepal) **Ba Li Khổ Cơ** (Bhṛkuṭi) là Lục Đa La Bồ Tát.





Tại Việt Nam, tín ngưỡng Tārā phát triển rất chậm, hầu hết Giáo đồ Phật Giáo Việt Nam chỉ mừng tượng Tàra dưới hình bóng Đức Quán Thế Âm qua câu chú: “**Án, đa li, đa li, đốt đa li, đốt đốt đa li, đốt li, ta bà ha**” được ghi nhận trong nghi thức tụng niệm kinh Diệu Pháp Liên Hoa, Phẩm Phổ Môn.

Thời gian gần đây, Việt Nam mới ghi nhận được pháp tu Tārā qua **Đa Lợi Tâm Kinh** do Sa Môn **Trí Thông** truyền thụ, Pháp “**Tu Trì Thánh Cứu Độ Phật Mẫu**” do Kim Cương Thượng Sư Tây Khang **NẠC NA HỒ ĐỒ KHẮC ĐỒ** truyền thụ và đặc biệt là các nghi quỹ Tārā do các vị Lama Tây Tạng sang Việt Nam truyền thụ

Tại Âu Mỹ, tín ngưỡng Tārā tuy mới phát triển nhưng lan tỏa rất nhanh, nhiều nhà nghiên cứu Âu Mỹ đã tìm hiểu và ghi chép rất kỹ các kinh điển liên quan đến Tārā.

Tóm lại, hệ thống tín ngưỡng Đa La Bồ Tát phát triển rất mạnh ở Ấn Độ, Tây Tạng, Mông Cổ, Trung Hoa, Nhật Bản, Đại Hàn..... và mọi hệ thống Mật Giáo đều xem Đa La Tôn là biểu tượng về năng lực Đại Bi “Ban Vui, Cứu Khổ” của chư Phật Bồ Tát nên thường xưng tán Ngài qua bài kệ trong Kinh “**Quán TỰ TẠI BỒ TÁT THỤ KÝ**” là:

**Đấng Đại Bi Đa La**  
**Từ Bi của tất cả**  
**Trời, Người với Dạ Xoa**  
**Đều là con của Ngài**  
**Nên hiệu Thế Gian Mẫu**  
**Và cho xuất Thế Gian.**  
**Quán Âm, Đại Thế Chí**  
**Kim Cương với Thiện Tài**  
**Văn Thù, Tu Bồ Đề**  
**Từ Thị với Hương Tượng**  
**Nguyệt Quang, Vô Tận Ý**  
**Vô Cấu, Hư Không Tạng**  
**Diệu Nhân với Đại Bi**  
**Duy Ma, Đẳng Bồ Tát**  
**Là con của Đa La**  
**Các Như Lai ba đời**  
**Tất cả Ma Ha Tát**  
**Không ai không là con.**  
**Đều xưng là MẸ TA**  
**Nuôi dưỡng các Hữu Tình**  
**Ôm nâng như Đại Địa**



## TÔN TƯỢNG ĐA LA BỒ TÁT

Đại Nhật Kinh, quyển 1, phẩm Cụ Duyên ghi là: “Hình tượng của Tôn này là trạng người nữ trung niên da màu xanh và màu trắng pha tạp, hai tay chấp lại cầm hoa sen xanh, thân mặc áo trắng”

Hiện Đồ Thai Tạng Giới Man Đà La thì vẽ hơi khác là: “Toàn thân màu xanh trắng, mặc áo Yết Ma, đầu đội mào tóc bên trên có vị hóa Phật, hai tay chấp lại không cầm hoa sen, ngồi Bán Già trên Tòa Sen, vị trí ở bên phải của Quán Tự Tại Bồ Tát, bên trái Ngài có một vị Sư Giả”.



Sớ thứ 5 giải thích ý nghĩa của Tôn Tượng trên là: “Đa La Bồ Tát là Tam Muội của Quán Tự Tại nên làm tượng người nữ. Đa La có nghĩa là con mắt. Hoa sen xanh có nghĩa là trong sạch không dơ bẩn. Dùng Phổ Nhân như vậy nhiếp thụ quần sinh, đã chẳng trước cũng chẳng sau nên làm dạng người nữ trung niên chẳng quá già, chẳng quá trẻ. Màu xanh là màu giáng phục, màu trắng là màu Đại Bi do diệu (sự mâu nhiệm) ở trong hai dụng ấy nên tạo hai màu hòa hợp, vì nghĩa ấy nên chẳng xanh chẳng trắng. Tượng ấy chấp tay, cầm hoa sen xanh trong lòng bàn tay, hướng tay và mặt về Đức Quán Âm như hình mỉm cười, toàn thân có hào quang tròn như màu vàng ròng thanh tịnh, mặc áo màu trắng, đầu có búi tóc như dạng tóc của Chư Thiên, đồng với mào tóc của Đại Nhật Như Lai”.

Quỹ ghi là: “Liên quán hoa sen màu nhiệm (Diệu Liên) làm Bản Tôn, thân ấy có ánh sáng vàng lục tràn đầy thanh tịnh, với báu Diệu Ma Ni làm Trán Lạc, đầu đội mào tóc có Vô Lượng Thọ Phật, bên phải hiện tướng Dữ Nguyên làm thù thắng, bên trái dùng tay cầm hoa sen xanh”.

Biệt Tôn Tạp Ký ghi là: “Trên Đàn có chữ 𑖀 (HRĪḤ) biến thành hoa sen báu. Trên hoa có chữ 𑖀 (TAM) biến thành hoa sen xanh rồi chuyển thành thân Đa La Bồ Tát có màu xanh trắng (hoặc màu thịt) mặc áo màu lam với mọi thứ trang nghiêm, trên

mão có Đức **Quán Tự Tại Vương Như Lai** (Avalokiteśvara-rāja-tathāgata), tay trái cầm hoa sen xanh để bên trái tim, tay phải kết **Ấn Thí Vô Úy** (Abhayaṃdāda-mudra) hoặc chấp hai tay lại cầm hoa sen xanh, ngồi trên hoa báu phóng ra ánh hào quang màu trắng, hay làm mãn các Nguyên”.

Theo sự truyền thụ của Tây Khang **Nặc Na Hô Đò Pháp Đò** (Phật sống NẶC NA của Tây Tạng) thì Bản Tôn có thân màu xanh lục, dung mạo hiền từ, ngồi báu già trên hoa sen, có vành Nhật Nguyệt. Hoa sen đó có 08 cánh màu trắng hơi hồng, chân phải đạp xéo, chân trái co lại. Hai tay cầm một cành hoa **Ô Ba Lạp** (Utpāla: Hoa sen xanh da trời), đầu đội mão Ngũ Phật, thân trên khoác áo bay phát phới như lá phượng, thân dưới mặc quần trong dài, quần ngoài ngắn. Cổ đeo 03 chuỗi châu: chuỗi thứ nhất dài đến ngực, chuỗi thứ hai đến trái tim, chuỗi thứ ba dài đến rốn. Tai đeo vòng khoen, khuỷu tay đeo vòng xuyên, ống chân đeo vòng có chuông nhỏ với các vật trang sức dùng để trang nghiêm.



Trên đây là Tôn tượng Lục Độ Mẫu, một trong 21 Độ Mẫu hóa thân của Quán Thế Âm Bồ Tát. Hình tượng của 20 Độ Mẫu còn lại đều có tư thế ngồi, mão, áo, vật trang sức giống nhau và chỉ khác nhau về nhan sắc (dung mạo và màu sắc) với vật cầm tay.

Bách Khoa Tự Điển mở Wikipedia ghi là: ” *Thần Tārā thực sự là một vị Thần trẻ đẹp, có khả năng thay đổi hình dạng đúng lúc đúng chỗ. Thần có thể hiện ra trong màu xanh, màu trắng, đỏ hay màu của vàng. Mỗi màu đều có ý nghĩa riêng của nó. Sắp đặt:*

*Phía sau đầu của Thần Tārā là ánh sáng của trăng tròn, là biểu tượng của ánh sáng soi sáng trái đất, cao hơn sự hỗn độn, ảo tưởng và đau khổ của vòng Luân Hồi nhưng lại không tách rời khỏi nó. Thần ngồi trên một tòa sen nở và một chiếc đĩa tròn.*

Vòng quanh Thân là một vòng lửa màu vàng. Mà lời Kinh câu nguyện số 21 nói rằng **Như lửa cháy ở cuối Thời Đại này.**

**Hoa:** Trên mỗi bàn tay, Thân Tārā nhẹ nhàng cầm một cánh hoa dài màu xanh trắng, hoa Utpala, một loại hoa có mùi hương thơm ngọt giống như hoa Kèn hay hoa Sen, loại hoa mọc trên núi mà chẳng hôi tanh mùi bùn. Hoa Utpala là sự trong sạch tự nhiên, mà theo Genlek Rinpoche nói **Để có thể nghĩ mình là người trong sạch, hãy hành động một cách trong sạch.**

Ba ngón tay trái của Thân Tārā chỉ lên trên để biểu hiện ba thứ quý giá, đó là Đức Phật, Phật Pháp và Giác Ngộ, và sự tự giải phóng tự tại. Tay phải duỗi ra, giữa bàn tay về phía trước với một cử chỉ mời gọi. Genlek Rinpoche nói **Thần Tārā nói với những người bị mất hy vọng và không có ai giúp đỡ rằng Hãy lại đây, Ta đang ở đây.**

**Y Phục:** Thân có những sợi thừng lụa mềm được trang điểm bằng những hạt châu báu, dài tai dài và thanh nhã biểu hiện rõ ràng Thân là một vị Bồ Tát, người đã có lời Thề ở lại trên trần gian vĩnh viễn để cứu nhân độ thế. Trên thực tế, những Đức Phật truyền Giáo thì không đeo châu báu, tại sao họ lại đeo trên cõi Niết Bàn? Các Bồ Tát thường trì hoãn việc vào Cõi này vì những vị khác. Thân Tārā mang châu báu là để thể hiện sự hoàn thiện của mình, những châu báu này lấp lánh như sự cảnh báo về những sự đau khổ trên trần thế, nơi mà Thân đang ra tay cứu chữa”

— Theo kinh nghiệm tu tập của Bhatta Charya thì “Trong ánh hào quang sáng chói lạ lùng hiện ra một vị Thánh Nữ màu lục biếc, đẹp tuyệt hảo trong mọi đường nét tay chân đến nỗi không thể dùng lời nói diễn tả được. Thánh Nữ ngồi theo thế Du Hý Tam Muội trên một hoa sen hai tầng, tay trái cầm vài cành lá, tay phải kết ấn Vô Úy với một viên ngọc sáng ngời”.

—Mật Giáo Tây Tạng còn thờ phượng Tôn Tượng Tārā có 8 cánh tay



Riêng 21 Độ Mẫu thì Kinh Tạng Hoa Văn không ghi nhận bằng lời mà chỉ lưu truyền hình ảnh Tôn tượng trong kinh “Lễ tán 21 vị Cứu Độ Phật Mẫu”.

1\_ **Cứu Độ Túc Dũng Mẫu** (Tāre Ture vīre): có 08 tay, thân hình màu đỏ, ngồi kiết già trên tòa sen.

色

赤



2\_ **Bách Thu Lăng Nguyệt Mẫu** (Śata-sārac-candra): có 12 tay, thân hình màu trắng, đứng trên tòa sen.

色 白



3\_ **Tử Ma Kim Sắc Mẫu** (Kāṅka-Nīlābja): có 10 tay, thân hình màu vàng, ngồi kiết già trên tòa sen.

色 黃



4\_ **Như Lai Đỉnh Kế Mẫu** (Tathāgatōṣṇīṣa): có 04 tay, thân hình màu vàng, ngồi kiết già trên tòa sen.

色 黃



5\_ **Đát La Hồng Tỳ Mẫu** (Tuttāra-Hūm-Kāra): có 02 tay, thân hình màu vàng rờng, ngồi kiết già trên tòa sen.

色 金



6\_ **Thích Phạm Hỏa Thiên Mẫu** (Śakrānala-Brahma): có 04 tay, thân hình màu đỏ, ngồi kiết già trên tòa sen.

色 赤



7\_ **Đặc La Đề Phát Mẫu** (Traditi phat-Kāra): có 04 tay, thân hình màu xanh, đứng trên tòa sen.

色 青



8\_ **Đô Lợi Đại Khẩn Mẫu** (Ture Mahā-Ghore): có 04 tay, thân hình màu hồng, ngồi theo thế Du Hý trên lưng rồng trên tòa sen.

色 紅



9\_ **Tam Bảo Nghiêm Ấn Mẫu** (Tri-Ratna- Mudrānka): có 04 tay, thân hình màu hồng, ngồi kiết già trên tòa sen.

色 紅



10\_ Uy Đức Hoan Duyệt Mẫu (Pramuditātōpa): có 04 tay, thân hình màu hồng, đứng trên hoa sen.

色 紅



11\_ Thủ Hộ Chúng Địa Mẫu (Samanta-bhū-pāla): có 02 tay, thân hình màu xanh, đứng trên tòa sen.

色 青



12\_ Đỉnh Quan Nguyệt Tướng Mẫu (Śikhaṇḍa-khaṇḍendu): có 08 tay, thân hình màu vàng ròng, ngồi kiết già trên tòa sen.

色 金



13\_ Như Tận Kiếp Hỏa Mẫu (Kalpānta-hutabhug): có 04 tay, thân hình màu đỏ, đứng trên tòa sen.



色 赤



14\_ **Thử Ân Đại Địa Mẫu** (Kara-Talâghāta): có 03 đầu 06 tay, thân hình màu xanh, đứng trên tòa sen.

色 青



15\_ **An Ân Nhu Thiện Mẫu** (Śive-śubhe-śānte): có 06 tay, thân hình màu trắng, ngồi kiết già trên tòa sen.

色 白



16\_ **Phổ Biến Cực Hỷ Mẫu** (Pramuditābandha): có 02 tay, thân hình màu trắng, ngồi kiết già trên tòa sen.

色 白



17\_ **Đô Lị Ba Đế Mẫu** (Ture padâghāta): có 02 tay, thân hình màu vàng, ngồi chéo chân trên tòa sen.

色 黄



18\_ **Tát La Thiên Hải Mẫu** (Sura-sarākāra): có 04 tay, thân hình màu vàng, ngồi kiết già trên tòa sen.

色 黄



19\_ **Chư Thiên Tập Hội Mẫu** (Sura-gaṇâdhyakṣa): có 02 tay, thân hình màu vàng ròng, ngồi kiết già trên tòa sen.

色 金



20\_ **Nhật Nguyệt Quảng Viên Mẫu** (Candrârkâ – saṃpūrṇa) có 02 tay, thân hình màu vàng, ngồi kiết già trên tòa sen.

色 黄



21\_ **Cụ Tam Chân Thật Mẫu** (Tri-Tattva-vinyāsa): có 02 tay, thân hình màu xanh, ngồi trên lưng con trâu trên hoa sen.



Từ 21 vị Cứu Độ Phật Mẫu nói trên, các vị Lạt Ma Tây Tạng đã ghi nhận thành 21 hóa thân của Đa La Tôn là:

1\_ Prāvīra- Tārā (Thắng Dũng Đa La).



2\_ Candra-kānti-Tārā (Thu Nguyệt Đa La).



3\_ Kanaka- varṇa-Tārā (Kim Sắc Đa La).



4\_ Uṣṇīṣa-vijaya- Tārā (Tối Thắng Đỉnh Đa La).



5\_ Hūṃ- sarva-nādinī-Tārā (Hong Nhất Thiết Âm Thanh Đa La).



6\_ Trailokya-vijaya-Tārā (Thắng Tam Thế Đa La).



7\_ Vādi-Pramardaka-Tārā (Tội Hoại Tranh Luận Đa La).



8\_ Māra-sudanā-vasita-uttama-da-Tārā (Tội Hoại Ma Chương Cập Thí Thắng Thượng Lực Đa La).



9\_ Varada-Tārā (Dữ Nguyên Đa La).



10\_ Śoka-vina-udana- Tārā (Diệt Tận Phiền Nã Đa La).



11\_ Jagad-vaśi-vipa...riệu Hữu Tình Diệt Tận Ác Vận Đa La).



12\_ Kalyāna-da-Tārā (Thí Cát Khánh Đa La).



13\_ Paripācaka-Tārā (Thục Quả Đa La).



14\_ Bhṛkuṭī-Tārā (Phẫn Nộ Đa La).



15\_ Mahā-sānti-Tārā (Đại Tịch Tĩnh Đa La).



16\_ Rāga-niṣūdana-Tārā (Tội Phá Tham Ái Đa La).



17\_ Sukha-sādhana-Tārā (Hỷ Lạc Thành Tựu Đa La).



18\_ Vijaya-Tārā (Tối Thắng Đa La).



19\_ Duḥkha-dahana-Tārā (Tiêu Tận Khổ Não Đa La).



20\_ Siddhi-sambhava-Tārā (Thành Tựu Sinh Đa La).



21\_ Paripūrṇa-Tārā (Thắng Mãn Đa La).



Ngoài 21 Tôn này, các vị Đạo Sư Tây Tạng còn ghi nhận thêm danh hiệu **Khadira-Vaṇi-Tārā** (Khadira Thọ Lâm Đa La tức vị Tārā của rừng cây Khadira) là thân chính của Lục Đa La, Ngài có thể đổi màu và thay thế cho vai trò của Dữ Nguyệt Đa La





Tôn Tượng 21 Tārā là:



### 1) Lục Cứu Độ Mẫu:

Bản Tôn có thân hình màu xanh lục, dung mạo hiền từ, ngồi bán già trên vành nhật nguyệt của hoa sen. Hoa sen có 08 cánh màu trắng hơi hồng, chân phải đạp xéo, chân trái co lại. Hai tay cầm cành hoa **Ô Ba Lạp** (Utpāla: hoa sen màu xanh da trời), đầu đội mào Ngũ Phật. Thân trên áo bay phấp phới như lá phượng. Thân dưới mặc quần trong dài, quần ngoài ngắn. Chuỗi đeo ba chuỗi châu: chuỗi thứ nhất dài đến ngực, chuỗi thứ hai dài đến tim, chuỗi thứ ba dài đến rốn. Tay đeo vòng khoen, khuỷu tay đeo vòng xuyên, ống chân đeo vòng có chuông nhỏ, các vật trang sức dùng để trang nghiêm.



Hai mươi Tôn Độ Mẫu còn lại, tư thế ngồi với mào áo, vật trang sức cũng giống như Lục Độ Mẫu, song nhan sắc đều khác biệt.

Bản Tôn xưa kia xưng là **Đa La Quán Tự Tại Bồ Tát** (Tārā Avalokiteśvara Bodhisattva) tức Nam Hải Phổ Đà Sơn Quán Thế Âm Bồ Tát. Bản Tôn là Tôn Chủ của 21 Độ Mẫu. Chú Lục Độ Mẫu là chú Căn bản của 21 Độ Mẫu. Nếu thường chuyên cần niệm tụng hay cắt đứt gốc rễ của Luân hồi. Miễn trừ tất cả Ma Chướng, ôn dịch, bệnh

khô. Tiêu trừ tất cả tai nạn về nước, lửa, đao binh, trộm cướp. Hay tăng trưởng thọ mệnh và Phước Tuệ. Phạm sự mong cầu không có gì không như nguyện. Sau khi chết vãng sinh về Cực Lạc. Thành tâm phụng trì, linh ứng đến liền như âm dội của tiếng vang vọng, Công Đức rộng lớn không thể nói hết. Nếu lúc trì bái Nam Hải Phổ Đà Sơn, trì tụng Chú này càng dễ đạt được sự cảm ứng đặc thù.

Lục Độ Mẫu Chú là:

**Om\_ Tāra tuttāre ture svāhā**

## 2 ) Cứu Tai Nạn Độ Mẫu:



Bản Tôn có thân màu trắng, tay phải kết Ấn Thí Vô Úy, tay trái cầm hoa, chú của Bản Tôn hay trừ tất cả tai nạn về đất, núi,...

Cứu Tai Nạn Độ Mẫu Chú là:

**Om\_ Vajra-tāre sarva vighnan śāntim kuru svāhā**

### 3 ) Cứu Địa Tai Độ Mẫu



Bản Tôn có thân màu lam, tay phải kết Ấn Thí Vô Úy, tay trái cầm hoa, trên hoa có chày Kim Cương Ngũ Cổ dựng đứng. Trì tụng Chú của Bản Tôn hay trừ tất cả tai nạn về: động đất, núi lở, đất nứt, nhà cửa nghiêng sập.

Cứu Địa Tai Độ Mẫu Chú là:

**Om\_ Tāre tuttāre ture, mama sarva lam lam bhāya śāntim kuru svāhā**

#### 4) Cứu Thủy Tai Độ Mẫu:



Bản Tôn có thân màu hồng, tay phải kết Ấn Thí Vô Úy, tay trái cầm hoa, trên hoa có Hỏa Kính. Trì tụng Chú của Bản Tôn hay trừ tai nạn về nước và tất cả sự nguy hiểm về nước.

Cứu Thủy Tai Độ Mẫu Chú là:

**Oṃ\_ Tāre tuttāre ture, mama sarva vaṃ vaṃ, jāla-bhāya śāntiṃ kūru svāhā**

## 5) Cứu Hỏa Tai Độ Mẫu:



Bản Tôn có thân màu vàng, tay phải kết Ấn Thí Vô Úy, tay trái cầm hoa, trên hoa có viên Thủy Tinh Châu, trong châu tuôn ra nước Cam Lộ. Trì tụng Chú của Bản Tôn hay trừ tai nạn về lửa và tất cả sự nguy hiểm về lửa.

Cứu Hỏa Tai Độ Mẫu Chú là:

**Om\_ Tāre tuttāre ture, mama sarva raṃ raṃ, jvala-bhāya śāntiṃ kūru svāhā**

## 6) Cứu Phong Tai Độ Mẫu:



Bản Tôn có thân màu trắng, tay phải kết Ấn Thí Vô Úy, tay trái cầm hoa, trên hoa có núi Tu Di, trên núi Tu Di có bánh Xe (luân). Trì tụng Chú của Bản Tôn hay trừ tai nạn về gió và tất cả sự nguy hiểm về gió.

Cứu Phong Tai Độ Mẫu Chú là:

**Oṃ\_ Tāre tuttāre ture, mama sarva yaṃ yaṃ, cala-bhāya śāntiṃ kūru svāhā**

## 7) Tăng Phước Tuệ Độ Mẫu:



Bản Tôn có thân màu vàng, tướng mạo uy mãnh . Tay phải cầm Như Ý Bảo Châu (Cinta mani) tay trái cầm móc sắc là cán của Bảo châu. Trì tụng chú của Bản Tôn có thể được tiền của, thế lực, trí tuệ và thần thông.

Tăng Phước Tuệ Độ Mẫu chú là:

**Oṃ\_ Ratna-tāre, sarva loka-jñāna-vidya, dhāra dhāra, dhiri dhiri, Hrīṃ  
Hrīṃ, Jaḥ, puṇya jñāna puṣṭiṃ kuru\_ Oṃ**



## 8) Cứu Thiên Tai Độ Mẫu:



Bản Tôn có thân màu xanh lục, tay phải kết Ấn Thí Vô Úy, tay trái cầm hoa, trên hoa có chày Yết Ma (Karma danda). Trì tụng Chú của Bản Tôn hay trừ sự sợ hãi về sấm sét, mưa đá, hạn hán, sóng lớn với tất cả thiên tai.

Cứu Thiên Tai Độ Mẫu Chú là:

**Oṃ\_ Tāre tuttāre ture, mama sarva E E mahā-hana-bhāya śāntiṃ kuru svāhā**

## 9) Cứu Bình Tai Độ Mẫu:



Bản Tôn có thân màu xanh, tay phải kết Ấn Thí Vô Úy, tay trái cầm hoa, trên hoa có cây kiếm báu dựng đứng. Trì tụng Chú của Bản Tôn hay trừ tất cả tai nạn về binh khí, đạn dược...

Người tu pháp này nên chăm chỉ chân thành nghiêm trì Trai Giới . Nếu lúc gặp nạn nguy cấp trong chiến tranh thời tu Pháp này dù cho có loại: đao, kéo, cung tên, thương giáo, khí giới,... cũng chẳng thể khiến cho mũi nhọn của nó hướng vào thân mình được. Nếu có giày, ủng , hài chẳng có thể treo trên đầu được. Con gái tu Pháp này càng nên xét tìm sự Tĩnh Khiết ở bên ngoài.

Cứu Bình Nạn Độ Mẫu Chú là:

**Om\_ Tāre tuttāre ture, mama sarva tig tig tīkṣṇa, rakṣa rakṣa kuru svāhā**

**10 ) Cứu Đạo Nạn Độ Mẫu:**



**Bản Tôn có thân màu đen, tay phải kết Ấn Thí Vô Úy, tay trái cầm hoa, trên hoa có cái búa (phủ việt). Trì tụng Chú của Bản Tôn hay trừ tai nạn về trộm cướp.**

**Cứu Đạo Nạn Độ Mẫu Chú là:**

**Oṃ\_ Tāre tuttāre ture, mama sarva cora bandha bandha trig thum svāhā**

## 11 ) Cứu Ngục Nạn Độ Mẫu:



Bản Tôn có thân màu hồng, tay phải kết Ấn Thí Vô Úy, tay trái cầm hoa, trên hoa có cái móc sắc. Trì tụng Chú của Bản Tôn hay trừ tất cả lao ngục và tất cả tai nạn về hình phạt oan uổng.

Cứu Ngục Nạn Độ Mẫu Chú là:

**Oṃ\_ Tāre tuttāre ture, mama sarva rāja-duṣṭan krodha śāntim kuru svāhā**

## 12 ) Tăng Uy Quyền Độ Mẫu:



Bản Tôn có thân màu hồng, tướng mạo nhu hòa, tay phải cầm Hoa Câu hương lên trên, tay trái cầm sợi dây. Trì tụng Chú của Bản Tôn hay được uy quyền lớn khiến cho người khâm kính. Như Bộ Thuộc, dân chúng chẳng phục tùng thì hay khiến cho tuân phục. Lại vợ chồng chẳng hòa thuận, chân thành tu pháp của Bản Tôn hay khiến cho thuận hòa thương yêu nhau mãi mãi.

Tăng Uy Quyền Độ Mẫu Chú là:

**Oṃ\_ Padma-tāre saṃdhāre Hrīḥ, sarva loka bhaṣiṃ kuru hoḥ**

### 13 ) Cứu Ma Nạn Độ Mẫu:



Bản Tôn có thân màu đen, tay phải kết Ấn Thí Vô Úy, tay trái cầm hoa, trên hoa có cái chày Giáng Ma có ba đầu (Tam Đầu Giáng Ma Xử). Trì tụng Chú của Bản Tôn hay trừ tất cả các bệnh quái về Cổ Mị, Linh Tinh và tất cả tai nạn về Thiên Ma, Địa Ma, Không Ma, Địa Long.

Cứu Ma Nạn Độ Mẫu Chú là:

**Oṃ\_ Tāre tuttāre ture, mama sarva duṣṭan vighnān Hūṃ phat svāhā**

#### 14 ) Cứu Súc Nạn Độ Mẫu:



Bản Tôn có thân màu nâu đậm, tay phải kết Ấn Thí Vô Úy, tay trái cầm hoa, trên hoa có cây giáo dựng đứng. Trì tụng Chú của Bản Tôn hay miễn trừ tất cả sự nguy hại về các loài vật không ăn thịt như voi, bò, ngựa, ... làm cho người bị thương.

Cứu Súc Nạn Độ Mẫu Chú là:

**Om\_ Tāre tuttāre ture, mama sarva haṃ haṃ duṣṭān hana hana trāsaya  
phaṭ svāhā**

### 15) Cứu Thú Nạn Độ Mẫu:



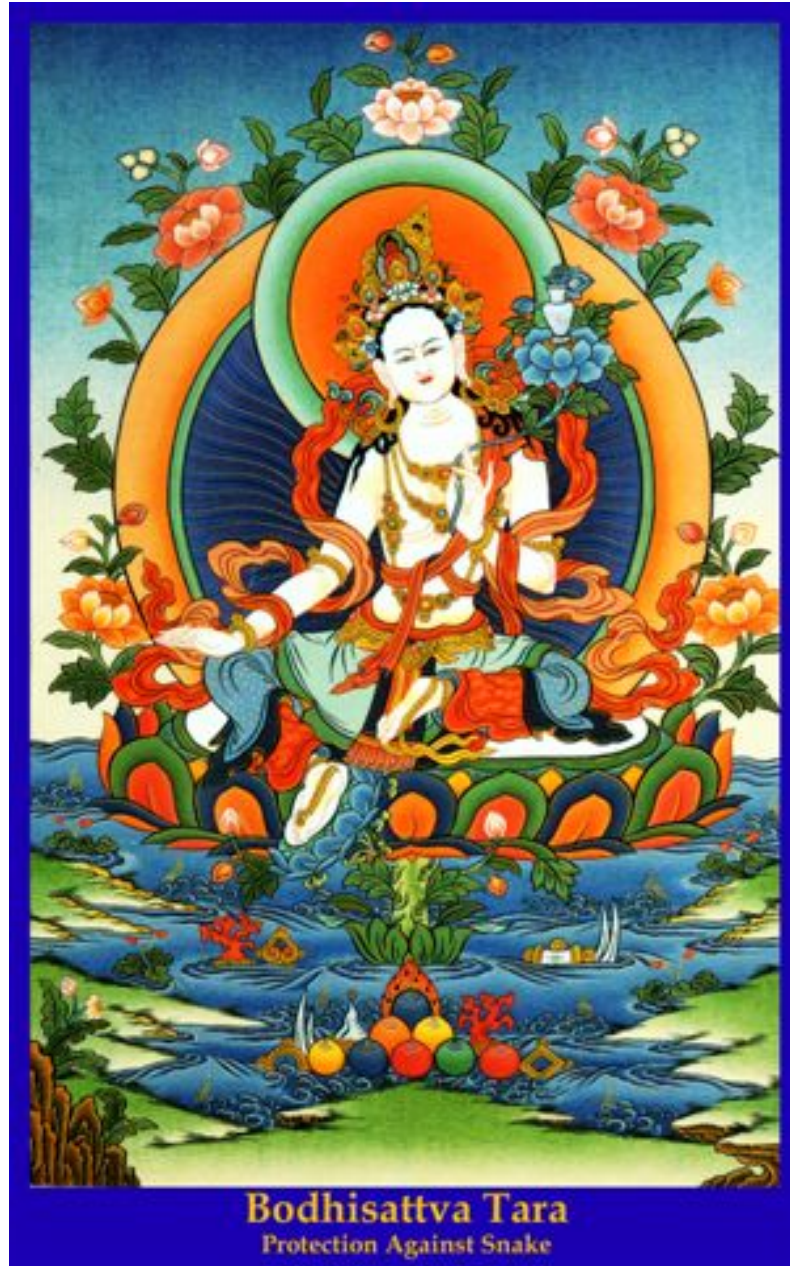
Bản Tôn có thân màu đen, tay phải kết Ấn Thí Vô Úy, tay trái cầm hoa, trên hoa có ngọn lửa. Trì tụng Chú của Bản Tôn hay miễn trừ tất cả các loài thú mạnh ăn thịt người như sư tử, chó sói, cọp, heo, và sự nguy hại về tất cả động vật khác.

Cứu Thú Nạn Độ Mẫu Chú là:

**Om\_ Tāre tuttāre ture, sarva He He, cale cale, bandha phat svāhā**



## 16) Cứu Độc Nạn Độ Mẫu:



Bản Tôn có thân màu trắng, tay phải kết Ấn Thí Vô Úy, tay trái cầm hoa, trên hoa có cái bình thủy tinh chứa đầy nước Cam Lộ. Trì tụng Chú của Bản Tôn hay trừ tất cả thuốc độc, khí độc, trùng độc, với tất cả tai nạn về đất, nước, gió, không khí, chất độc tự nhiên, chất độc do con người tạo ra.

Cứu Độc Nạn Độ Mẫu Chú là:

**Om\_ Tāre tuttāre ture, sarva viṣa-calāya, hara hara phaṭ svāhā**

## 17) Phục Ma Độ Mẫu:



Bản Tôn có thân màu đen, một mặt ba mắt, tướng rất phần nộ, hai tay chấp lại cầm Tam Đầu Giáng Ma Xử. Nếu lúc gặp nạn cấp bách đem cái chày này chà chuyển chẳng ngừng thì hay đập vỡ tâm Ma. Trì tụng Chú này của Bản Tôn hay giáng phục Thiên Ma, chế ngự Ngoại Đạo.

Phục Ma Độ Mẫu Chú là:

**Om\_ Karma tāre, sarva śatrūn mārasena, Ha Ha, He He, Ho Ho, Ha,m  
Ha,m, bhindha bhindha phat**

## 18 ) Dược Vương Độ Mẫu:



Bản Tôn có thân màu vàng lục, tay phải kết Ấn Thí Vô Úy, tay trái cầm hoa, trên hoa có quả Ha Tử sáng như ánh mặt trời. (Ha tử chính là Thanh quả Liên Chi Diệp ở Tây Tang như vật cầm trong bàn tay phải của Đức Phật Dược Sư) phóng ra mũi nhọn ánh sáng như nước Cam Lộ tiêu trừ bách bệnh. Trì tụng Chú của Bản Tôn hay trừ bệnh truyền nhiễm với tất cả bệnh tai, ôn dịch.

Dược Vương Độ Mẫu Chú là:

**Om\_ Tāre tuttāre ture, sarva jvara sarva duḥkha praśamanaya phaṭ svāhā**

## 19) Trường Thọ Độ Mẫu:



Bản Tôn có thân màu trắng, tay phải kết Ấn Thí Vô Úy, tay trái cầm hoa, trên hoa có cái bình Trường Thọ chứa đầy nước Cam Lộ. Trì tụng Chú của Bản Tôn hay diên niên ích thọ, miễn trừ tất cả sự nguy hại về chết yểu, đoản mệnh và tất cả hung tai.

Trường Thọ Độ Mẫu Chú là:

**Om\_ Tāre tuttāre ture, vajra-āyuse svāhā**

20 ) Bảo Nguyên (Nguồn Báu) Độ Mẫu:



Bản Tôn có thân màu vàng, tay phải kết Ấn Thí Vô Úy, tay trái cầm hoa, trên hoa có cái bình Bảo Tàng chứa đầy châu báu nhiều vô cùng, vô biên – Trì tụng Chú của Bản Tôn hay đủ tài bảo, miễn trừ sự nghèo khổ và tất cả sự bức bách về kinh tế.

Bảo Nguyên Độ Mẫu Chú là:

**Om\_ Tāre tuttāre ture, jambhe mohe dhana medhi Hrīḥ svāhā**

## 21 ) Như Ý Độ Mẫu:



Bản Tôn có thân màu vàng lục, tay phải kết Ấn Thí Vô Úy, tay trái cầm hoa, trên hoa có Như Ý Kết (?). trì tụng Chú của Bản Tôn hay như Ngọc Báu Ma Ni, mọi sự như ý, tùy nguyện mong cầu không có gì không thành tựu, như cầu con kế tự, tu pháp của Bản Tôn rất linh nghiệm.

Như Ý Độ Mẫu Chú là:

**Oṃ\_ Tāre tuttāre ture, sarva artha siddhi, siddhi kuru svāhā**

21 Độ Mẫu bên trên. Bình thường thì quán tưởng ngồi nhưng lúc cấp bách liền quán tưởng đứng. Tổng Tâm Chú thứ 22 là Tâm Chú chung của các Tôn Độ Mẫu. Niệm Chú này hay tổng quát tất cả Công Đức của 21 Độ Mẫu.

Lại nữa, trong mỗi tháng mùa hạ, ngày 25 là ngày kỷ niệm Độ Sinh của tất cả Phật Mẫu. Nếu ở ngày đó mở lập Pháp hội Độ Mẫu thì cảm ứng rất nhanh.

Độ Mẫu tổng Tâm Chú là:

**Oṃ\_ Tāre Tām svāhā**

# THẦN CHÚ CỦA 21 VỊ ĐỘ MẪU

## 1\_ Tốc Dũng Cứu Độ Mẫu (OM)

速勇救度母  
(二十一度母)



OM TĀRE TUTTĀRE TURE BHODHI-CITTA (?bodhi-citta) SVĀHĀ

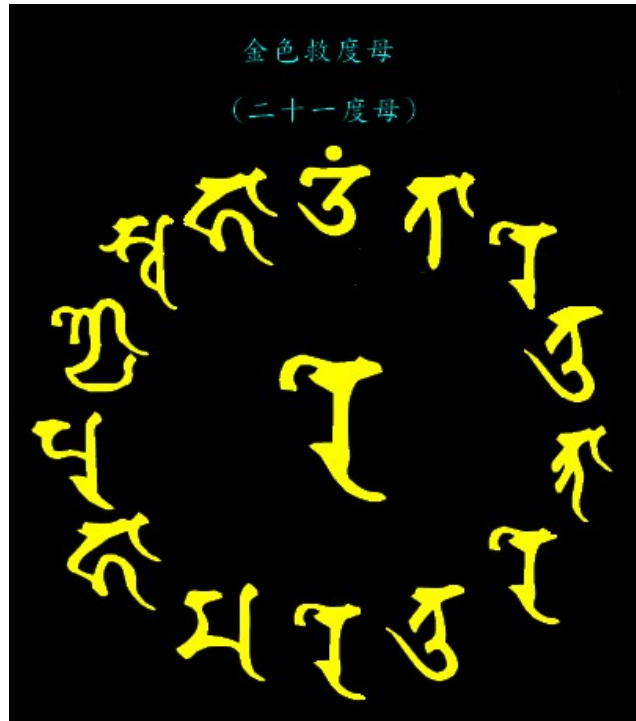
## 2\_ Bách thu Lăng Nguyệt Mẫu (TĀ)

白秋朗月母  
(二十一度母)



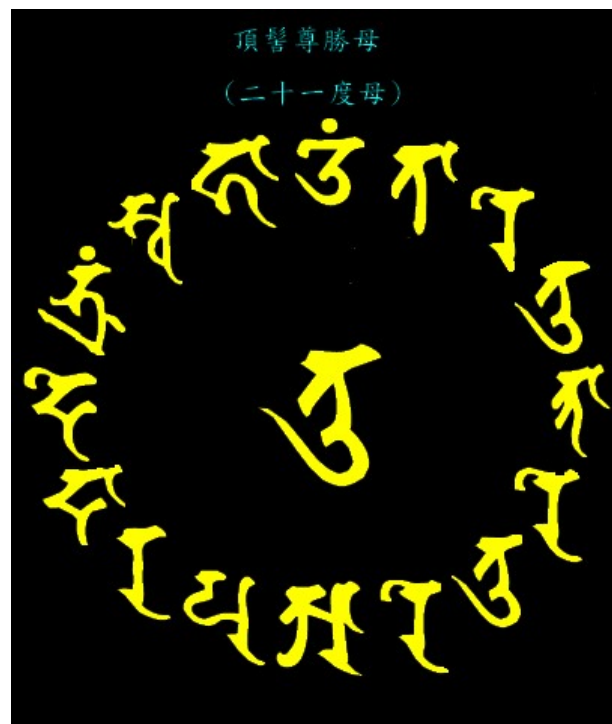
OM TĀRE TUTTĀRE TURE PRAJÑA HRĪM HRĪM SVĀHĀ

3\_Kim Sắc Cứu Độ Mẫu (RE)



OM TĀRE TUTTĀRE TURE MAHĀ-PUNYE SVĀHĀ

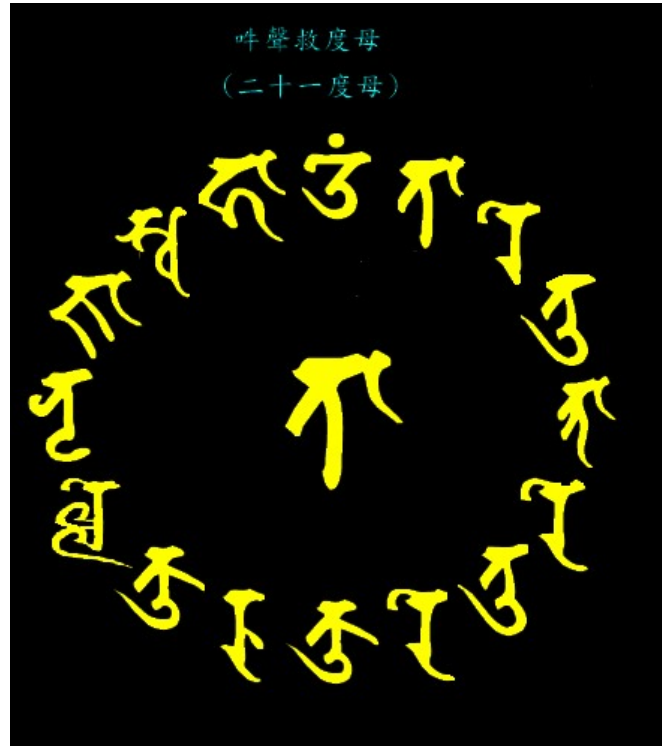
4\_Đỉnh Kê Tôn Thắng Mẫu (TU)



OM TĀRE TUTTĀRE TURE ĀYURA-DĀDE (?Āyurdāde) BHRUM  
SVĀHĀ

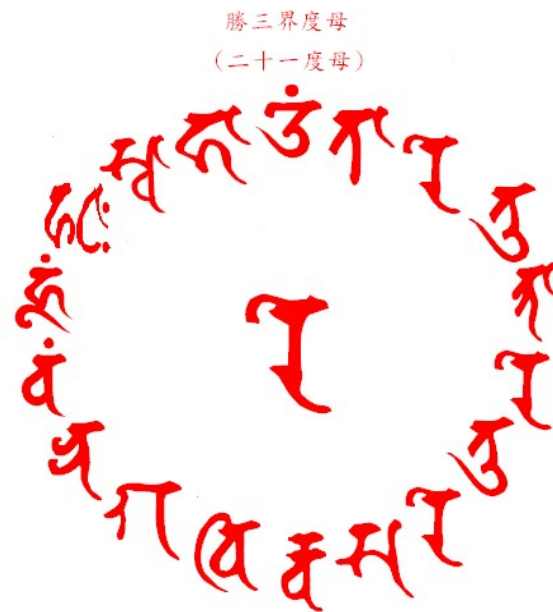


5\_Hồng Thanh Cứu Độ Mẫu (TĀ)



OM TĀRE TUTTĀRE TURE KURUKULLE NRJA SVĀHĀ

6\_Thắng Tam Giới Độ Mẫu (RE)



OM TĀRE TUTTĀRE TURE SARVA VIGANNA (?Vighnam) VAM HŪM  
PHATAḤ (?Phat) SVĀHĀ

7\_Phá Địch Cứu Độ Mẫu (TU)

破敵救度母  
(二十一度母)



OM TĀRE TUTTĀRE TURE VAJRA TAKA HANA LICA PHAṬAḤ  
(?Phat) SVĀHĀ

8\_Phá Ma Cứu Độ Mẫu (RE)

破魔救度母  
(二十一度母)



OM TĀRE TUTTĀRE TURE DAHA PACA HŪM PHAṬAḤ (?Phat)  
SVĀHĀ

9\_Thắng Nhiếp Thọ Độ Mẫu (SVĀ)

勝攝受度母  
(二十一度母)



OM TĀRE TUTTĀRE TURE DĀNA-TRAYA SVĀHĀ

10\_Trừ Ưu Cứu Độ Mẫu (SA)

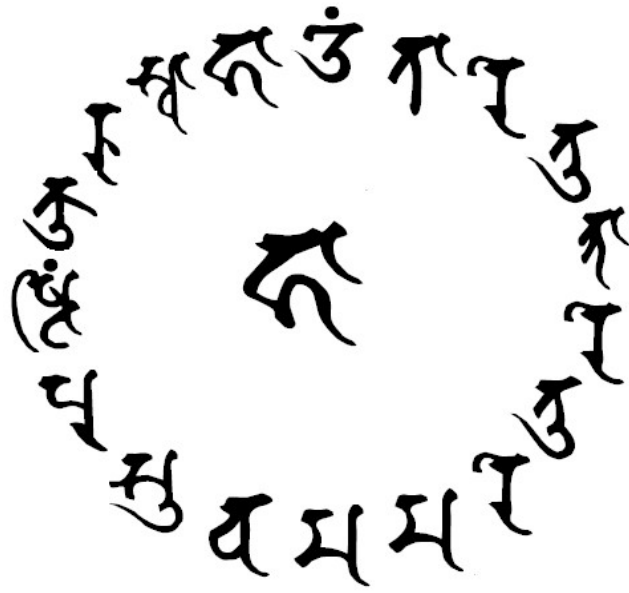
除憂救度母  
(二十一度母)



OM TĀRE TUTTĀRE TURE LOKA-PĀSAM KURU SVĀHĀ

11\_Giải Ách Cứu Độ Mẫu (HĀ)

解厄救度母  
(二十一度母)



OM TĀRE TUTTĀRE TURE MAMA VASU PUṢṬIṀ KURU SVĀHĀ

12\_Cát Tường Cứu Độ Mẫu (A)

吉祥救度母  
(二十一度母)



OM TĀRE TUTTĀRE TURE HŪṀ HŪṀ HAṀ ŚAṀ GANNA PHAṬAḤ  
(?Phaṭ) SVĀHĀ

13\_Liệt Hỏa Cứu Độ Mẫu (BRU)

烈始救度母

(二十一度母)



OM TĀRE TUTTĀRE TURE VAJRA-JVALA PHAṬA PHAṬAḤ (?Phat phat) RAKṢA RAKṢAḤ SVĀHĀ

14\_Thủ Ấn Đại Địa Mẫu (A)

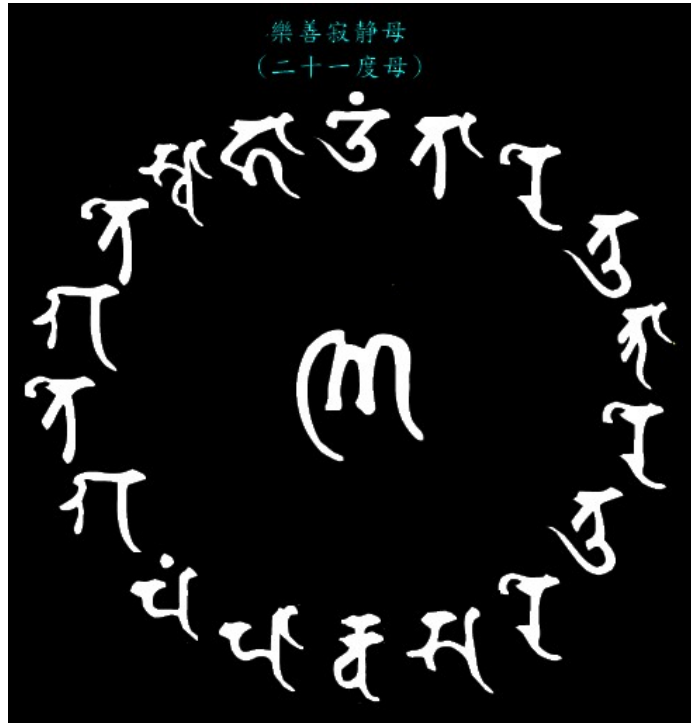
手按大地母

(二十一度母)



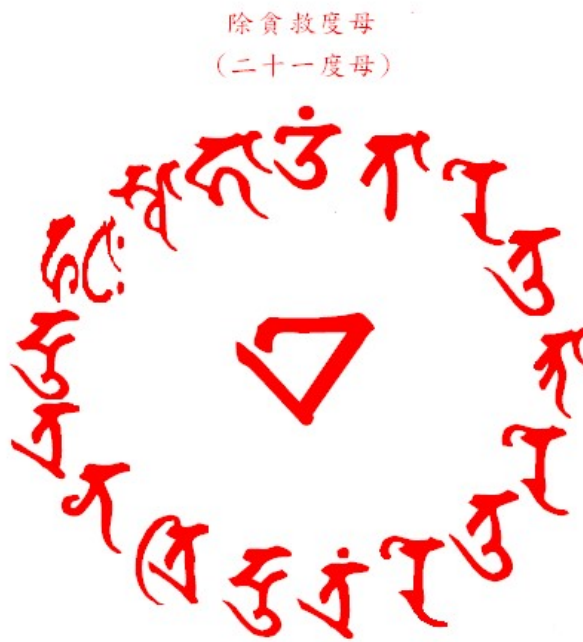
OM TĀRE TUTTĀRE TURE HŪṢ HŪṢ HAṢ ŚAṢ HRĪ GANNA PHAṬAḤ (?Phat) SVĀHĀ

15\_Lạc Thiện Tĩnh Tĩnh Mẫu (NI)



OM TĀRE TUTTĀRE TURE SARVA PĀPAM GATE GATE SVĀHĀ

16\_Trừ Tham Cứu Độ Mẫu (E)



OM TĀRE TUTTĀRE TURE TRAM DUTINI TRADU PHATAḤ (?Phat)  
SVĀHĀ

17\_Thành Lạc Cứu Độ Mẫu (ŚA)



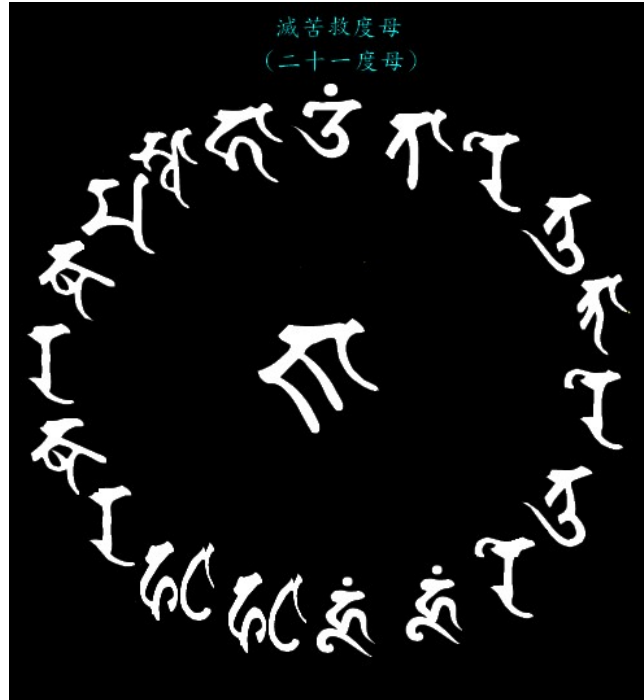
OM TĀRE TUTTĀRE TURE HŪṂ HŪṂ VAṂ HOḤ SVĀHĀ

18\_Thắng Lợi Cứu Độ Mẫu (KI)



OM TĀRE TUTTĀRE TURE SARVA VITĀRA (?Vetāla) PHAṬAḤ  
(?Phaṭ) SVĀHĀ

19\_Diệt Khổ Cứu Độ Mẫu (JA)



OM TĀRE TUTTĀRE TURE HŪṀ HŪṀ PHAṬA PHAṬA (?Phaṭ phat)  
RAKṢA RAKṢA MA (?Mām) SVĀHĀ

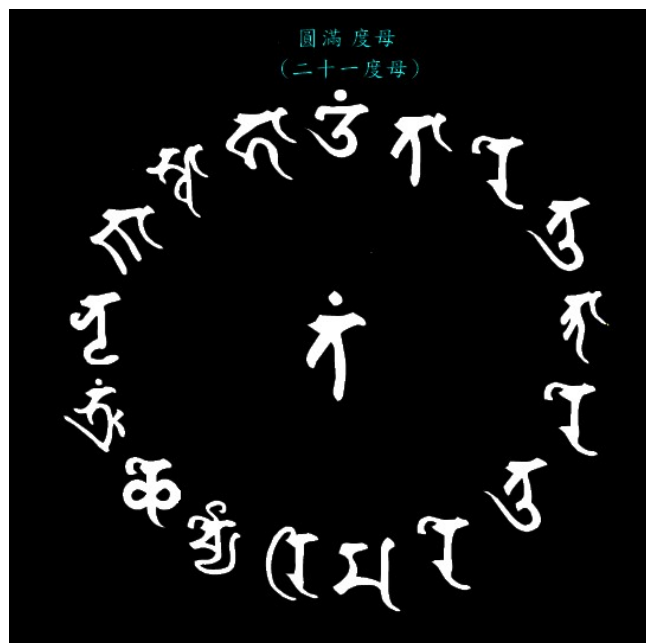
20\_Nhật Nguyệt Quảng Viên Mẫu (CE)



OM TĀRE TUTTĀRE TURE NĀMA TĀRE MANO HARA HŪṀ HARA  
SVĀHĀ



## 21\_Viên Mãn Độ Mẫu (TAM)



OM TĀRE TUTTĀRE TURE MURI CYAI-CHE BHRŪM NRJA SVĀHĀ

Tóm lại, hình tượng Đa La Tôn thường được sùng bái, thờ phượng, quán tưởng nhiều nhất qua hai loại thân

1\_ Thân nữ màu xanh lục, tay trái cầm hoa sen xanh, tay phải kết Dữ Nguyên Ấn, ngồi theo thế Du Hý trên tòa sen và xung là **Lục Độ Mẫu** (hay Thanh Tārā)



2\_ Thân nữ màu trắng, tay trái cầm hoa sen xanh, tay phải kết Dữ Nguyệt Ấn, ngồi theo thể Du Hỷ trên tòa sen và xung là **Bạch Độ Mẫu** (hay Bạch Tārā)



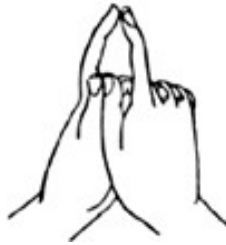
## ĐA LA BỒ TÁT CHÂN NGÔN PHÁP

Theo truyền thống Hoa Văn thì Đa La Bồ Tát có mật hiệu là **Bi Sinh** (Kāraṇa-Udbhava:Nghĩa là do tâm Đại Bi của Quán Thế Âm Bồ Tát mà sinh ra) hoặc có một mật hiệu là **Hạnh nguyện Kim Cương** (Caryā Praṇidhāna-Vajra).

Tam Muội gia hình của Tôn này là “Hoa sen xanh hé nở” biểu thị cho nghĩa *“Hóa độ chúng sinh vượt thoát mọi trần cấu ô nhiễm, thực chứng được bản tính trong sạch không dơ bẩn”*.

Chủng tử của Ngài là १ (TA) hay ॠ (Tam) hoặc ॡ (Tām) minh họa cho nghĩa *“Nhu Như bất khả đắc”*

Ấn căn bản của Ngài là **Thanh Liên Căn Bản Ấn**: Dem 10 ngón tay cài chéo nhau trong lòng bàn tay rồi nắm lại thành Quyền (Nội phộc) dựng 02 ngón trở dính đầu ngón như cây kim, dựng thẳng 02 ngón cái dính vào 02 ngón trở. Đây cũng là Ấn căn bản của **Thanh Cảnh Quán Thế Âm Bồ Tát**.



Tâm Chú của Đa La Tôn được ghi nhận qua nhiều bản khác nhau:

1\_ Bản thường tụng của Tùy La Tăng ĐẠT MA MỘ XA là:

**Đá điệt tha: Ấn – Đa lị đa lị– Đốt đa lị, đốt – Cấp bà ha.**

2\_ Bản của Nam Thiên Trúc Tăng A ĐỊA QUẬT ĐA là:

**Đá điệt tha: Đa lị, đa lị, đốt đa lị, đốt – Cấp bà ha.**

3\_ Bản do các Đại Đức cổ xưa kết tập là:

**Đá điệt tha: Đa lị, đa lị, đốt đa lị, đốt đa lị, đốt đa lị, sa bà ha.**

4\_ **Đa Lợi Tâm Kinh** do Sa Môn Thích Trí Thông dịch ghi là:

ॠ ॡ ॢ ॣ । ॥ १ ॡ ॢ ॣ । ॥ १ ॡ ॢ ॣ । ॥ १ ॡ ॢ ॣ । ॥

**Đá điệt tha: Ấn – Đa lị, đa lị, đô đa lị, đô đô đa lị, đốt lị, sa bà ha.**

(Tadyathā: Om\_ tare tare, tutare tututare, ture, svāhā)

Ấn căn bản của câu Chú này lại là **Ngoại Phộc Thanh Liên Hoa Căn Bản Ấn**: Dem 10 ngón tay cài chéo nhau bên ngoài, bên phải đè bên trái, sao cho 10 đầu ngón tay bám vào lưng 02 bàn tay rồi nắm lại thành Quyền (Ngoại phộc). Dựng đứng 02 ngón trở sao cho đầu ngón dính nhau như hình cánh sen. Dựng thẳng 02 ngón cái dính vào 02 ngón trở. Đây cũng là Ấn căn bản của **Kim Cương Pháp Bồ Tát** trong Kim Cương Giới Man Đa La Tứ Ân Hội.



5\_ Bản thường tụng của Diễm Tân Quốc Tăng ĐẠT MA THƯỜNG ĐÀ là:  
**Án, đá diệt tha: Đa lợi , đa lợi , đô đốt lợi, đốt lợi, đốt lợi, cấp bà ha.**

6\_ Kim Cương Đỉnh Kinh Đa La Bồ Tát Niệm Tụng Pháp ghi:  
**Đát nễ-dã tha: Án – Đa lê, đốt đa lê, đốt lê, tất phộc ha.**

7\_ Thánh Cứu Độ Phật Mẫu 21 Lễ Tán Kinh ghi là:  
ॐ तरे तुतरे तुरे स्वहा  
**Om – Tare tutare ture – Svàhà.**

8\_ Tây Khang NẶC NA Hồ Đồ Khắc Đồ truyền thụ Lục Độ Mẫu Chú là:  
**Án – Đạt liệt, đôi đạt liệt, đô liệt, toa hàm.**  
\*) OOM – Dareh, Dudareh, Dūreh, Soha.  
(OM – TĀRE TUTTĀRE TURE – SVĀHĀ).



9\_ Đại Nhật Kinh, quyển 02, phẩm Phổ Thông Chân Ngôn Tạng ghi là:  
ॐ नमो समन्ता बुद्धानाम् कारुणा उद्भवै तारे तारिणी स्वहा  
**Na ma tam măn đa bột đà nãm – Ca rô noa nạp bà phệ đá lệ, đá lý nễ, sá ha.**  
(Namaḥ samanta-buddhānām\_ Kāruṇa-udbhavē tāre tāriṇi svāhā)

Số thứ 07 giải thích câu Chú trên là:

→ **Namaḥ samanta-buddhānāṃ**: nghĩa là Quy mệnh khắp tất cả các Đấng giác ngộ

→ **Kāruṇa**: là Bi

→ **Udbhave**: là Sinh

Như thế **Kāruṇa-udbhave** nghĩa là *theo Bi mà Sinh*, tức là trong Quán Tự Tại mà sinh ra.

→ **Tāre**: là con mắt, cũng có nghĩa là ĐỘ – Nay Chân Ngôn lấy chữ TA (𑖘) làm Thể. TA nghĩa là “**Pháp nghĩa Như**”. vì tất cả các Pháp vốn chẳng sinh ra nên **Nhân** (Hetu) của Pháp cũng chẳng thể đắc, bởi vậy cho nên biết “**không có tướng khác**” Vì không có tướng khác nên **Như** cũng chẳng thể đắc, tức là nơi **Như** được **thật tướng** của các Pháp. Bên cạnh nó có 01 nét Tam Muội nên thành TĀ (𑖘) tức là Vạn Hạnh đều Như

RA (𑖘) là nghĩa 06 Trần. Vì các Pháp chẳng phải Như chẳng phải Khác, nên 06 Trần đều như THẬT TƯỚNG, tức bản tính của nó không có trần cấu, gọi là “**Con mắt không bụi, thanh tịnh, thấy biết như thật**”. Lại nữa, 06 căn 06 trần gọi là biển sinh tử, tất cả chúng sinh đều chìm đắm trong đó chẳng được bờ mé nào. Nay thấy 06 Trần như thật tướng mà đến bờ bên kia của Phật Nhân nên gọi là “**được độ**”

→ Nói lập lại TĀRINI là cực độ, tự độ, được rồi lại hay phở độ chúng sinh, tự được Phổ Nhân không bụi, lại cũng khiến cho tất cả chúng sinh được Phổ Nhân không bụi. Theo như Đại Bản thì có đến 500 Đa La Tôn đều từ má của Quán Tự Tại mà sinh ra. Mật Ngữ Du Già lấy chữ vị đó làm Tam Muội của A Di Đà.

10\_ Số thứ 10, phần Mật Ấn ghi câu Chú là:

𑖘𑖚𑖛𑖜𑖝𑖞𑖟𑖠𑖡𑖢𑖣𑖤𑖥𑖦𑖧𑖨𑖩𑖪𑖫𑖬𑖭𑖮𑖯𑖰𑖱𑖲𑖳𑖴𑖵𑖶𑖷𑖸𑖹𑖺𑖻𑖼𑖽𑖾𑖿

Na ma tam mñn đā bōt đā nam. Đā lē, đā lý ñē, ca rô noa, ót ñap-bà phệ, sá ha.

(Namaḥ samanta-buddhānāṃ\_ Tāra tāriṇi kāruṇa-udbhave svāhā)

Rồi giải thích là:

\_ **Tāre**: là người (tự độ).

\_ **Tāriṇi**: là độ, như đưa người qua sông lớn đặt ở bờ bên kia.

\_ **Kāruṇa**: là Bi.

\_ **Udbhave**: là Sinh.

Do Bồ Tát này từ **Bi** mà sinh, cũng độ chúng sinh đến chỗ **Bi** vậy.

11\_ Bát Không Quyển Sách Thần Biến Kinh, quyển 19, phẩm 37 Đa La Bồ Tát Hộ Trì có ghi là:

a) Ma Ni Đại Tâm Đà La Ni Chân Ngôn:

“**Án – A mô già bát đầu nhĩ ñē, đā lē, sa-phộc ha**”

𑖘𑖚𑖛𑖜𑖝𑖞𑖟𑖠𑖡𑖢𑖣𑖤𑖥𑖦𑖧𑖨𑖩𑖪𑖫𑖬𑖭𑖮𑖯𑖰𑖱𑖲𑖳𑖴𑖵𑖶𑖷𑖸𑖹𑖺𑖻𑖼𑖽𑖾𑖿

Oṃ\_ Amogha-padmini tāre svāhā

b) Ma Ni Tiểu Tâm Đà La Ni Chân Ngôn:

“**Án – Ma ni, đā lē, hàm**”

𑖘𑖚𑖛𑖜𑖝𑖞𑖟𑖠𑖡𑖢𑖣𑖤𑖥𑖦𑖧𑖨𑖩𑖪𑖫𑖬𑖭𑖮𑖯𑖰𑖱𑖲𑖳𑖴𑖵𑖶𑖷𑖸𑖹𑖺𑖻𑖼𑖽𑖾𑖿

Oṃ\_ Mañi-tāre hūṃ

12\_ Bạch Cứu Độ Phật Mẫu Tán ghi là:

**Án – Đáp liệt, đô đáp liệt, đô liệt, ma ma, A du lệ bồ nột diệp, ni nạp bồ chân, cô lỗ diệp, sa ha.**

(Om\_ Tāre tuttāre ture\_ mama Āyuh puṇye jñāna puṣṭim kuru svāhā)

13\_ Bản phổ thông lưu truyền trong nhân gian Trung Hoa thì ghi là:

**Cúi lạy Viên Thông Chân Đại Sĩ**

**Tuyên dương Thân Chủ phá ngu môn.**

**Nay con trì niệm một triệu biến**

**Trí Tuệ nguyện bằng Quán Tự Tại.**

“Úm– Tara, tara, tam ta ra nhân tha rị– Hê, vĩ thuật rị đa, vĩ thuật đa gia.

Úm – Tara, tara, thất-rị duệ, ta-phạ ha”

ॐ नमो नमो मन्दो ॐ ह्ये न (विश्व न विदु ह्ये य

ॐ नमो नमो शिव शक्त

**OM** (Nhiếp Triệu) **TĀRA** (tự cứu độ) **TĀRA** (tha cứu độ) **SAMDHĀRA INDRI** (giữ gìn năng sinh, liên kết với quyền năng tự nhiên).

**HE** (Mừng thay) **VIŚRITA** (vang lại, dôi lại, đáp ứng lại) **VIŚUDDHĀYA** (Khiến cho tất cả đều được thanh tịnh).

**OM** (Nhiếp Triệu) **TĀRA** (Tự độ) **TĀRA** (tha độ) **ŚRĪYE SVĀHĀ** (quyết định thành tựu mọi sự tốt lành).

14\_ Truyền thống Ấn Độ thường lưu hành câu Chú kèm với nghĩa căn bản là:

ॐ नमो बुद्धो बुद्ध शक्त

**OM – TĀRE TUTTĀRE TURE - SVĀHĀ**

.) **Om**: Kính lễ

.) **Tāre**: dừng mãnh mau chóng

.) **Tuttāre**: trừ khử sự sợ hãi

.) **Ture**: hay truyền các thắng nghĩa

.) **Svāhā**: con tác kính lễ

15\_ Truyền thống Tây Tạng thường lưu hành 02 câu Chú chính của Lục Độ Mẫu và Bạch Độ Mẫu là:

a) Lục Độ Mẫu Chú:

**OM – TĀRE TUTTĀRE TURE - SVĀHĀ**

.) **Om**: Quy mệnh kính lễ mẹ Tārā.

.) **Tāre**: sự tự do thoát khỏi luân hồi

.) **Tuttāre**: sự tự do thoát khỏi 08 nạn

.) **Ture**: sự tự do thoát khỏi bệnh tật

.) **Svāhā**: thành tựu tốt lành.

b) Bạch Độ Mẫu Chú:

**OM – TĀRE TUTTĀRE TURE - MAMA ĀYUH PUṆYE JÑĀNA PUSTIM KURU – SVĀHĀ.**

.) **Om – Tāre tuttāre ture**

.) **Mama**: Tôi

.) **Āyuh**: thọ mệnh

.) **Puṇye**: công đức

- .) **Jñāna**: Trí Tuệ
- .) **Puṣṭim kuru**: hãy làm cho tăng trưởng
- .) **Svāhā**: thành tựu tốt lành

Ngoài ra, tùy theo từng Bộ tu tập, các vị Đạo sư Tây Tạng đã truyền dạy các câu Chú khác nhau là:

1\_ Như Lai Bộ: Đa La Mẫu:

NAMO RATNA-TRAYĀYA.

NAMAḤ ĀRYA JÑĀNA – SĀGARĀYA VAIROCANA – VYŪHA – RĀJĀYA  
TATHĀGATĀYA ARHATE SAMYAKSAMBUDDHĀYA.

NAMAḤ ĀRYA AVALOKITEŚVARĀYA BODHISATTVĀYA MAHĀ-  
SATTVĀYA MAHĀ-KĀRUṆIKĀYA.

TADYATHĀ: OṂ – TĀRE TUTTĀRE TURE – SVĀHĀ.

2\_ Liên Hoa Bộ: Đa La Mẫu:

NAMO RATNA-TRAYĀYA.

NAMAḤ ĀRYA JÑĀNA–SĀGARĀYA–AMITĀBHA–DEVA–VYŪHA–  
RĀJĀYA TATHĀGATĀYA ARHATE SAMYAKSAMBUDDHĀYA.

NAMAḤ ĀRYA AVALOKITEŚVARĀYA BODHISATTVĀYA MAHĀ-  
SATTVĀYA MAHĀ-KĀRUṆIKĀYA.

TADYATHĀ: OṂ – TUTTĀRE TURE – SVĀHĀ.

3\_ Kim Cương Bộ: Đa La Mẫu:

NAMO RATNA-TRAYĀYA.

NAMAḤ ĀRYA JÑĀNA–SĀGARĀYA–AKSOBHYA – VYŪHA– RĀJĀYA  
TATHĀGATĀYA ARHATE SAMYAKSAMBUDDHĀYA.

NAMAḤ ĀRYA AVALOKITEŚVARĀYA BODHISATTVĀYA MAHĀ-  
SATTVĀYA MAHĀ-KĀRUṆIKĀYA.

TADYATHĀ: OṂ – TĀRE TURE TUTTĀRE – SVĀHĀ.

4\_ Bảo Bộ: Đa La Mẫu:

NAMO RATNA-TRAYĀYA.

NAMAḤ ĀRYA JÑĀNA–SĀGARĀYA–RATNASAMBHAVA – VYŪHA–  
RĀJĀYA TATHĀGATĀYA ARHATE SAMYAKSAMBUDDHĀYA.

NAMAḤ ĀRYA AVALOKITEŚVARĀYA BODHISATTVĀYA MAHĀ-  
SATTVĀYA MAHĀ-KĀRUṆIKĀYA.

TADYATHĀ: OṂ – TĀRE TĀRE - TUTTĀRE – TURE – SVĀHĀ.

5\_ Nghiệp Dụng Bộ: Đa La Mẫu:

NAMO RATNA-TRAYĀYA.

NAMAḤ ĀRYA JÑĀNA–SĀGARĀYA–AMOGHASIDDHI– VYŪHA–  
RĀJĀYA TATHĀGATĀYA ARHATE SAMYAKSAMBUDDHĀYA.

NAMAḤ ĀRYA AVALOKITEŚVARĀYA BODHISATTVĀYA MAHĀ-  
SATTVĀYA MAHĀ-KĀRUṆIKĀYA.

TADYATHĀ: OṂ – TURE TUTTĀRE – SVĀHĀ.

Để giúp cho đệ tử mau chóng diệt trừ mọi tội nghiệp ác đã gây ra, các bậc Đạo sư Mật Giáo Tây Tạng đã truyền dạy một trong ba bài chú sau:

1\_ OM- NAMAḤ ĀRYA AVALOKITEŚVARĀYA BODHISATTVĀYA MAHĀ- SATTVĀYA MAHĀ-KĀRUNĪKĀYA!.

TADYATHĀ: OM – TĀRE TUTTĀRE TURE – SARVA DUṢṬĀM PARA DUṢṬĀM MAMA KṚTE – JAMBHAYA, STAMBHAYA, MOHAYA, BANDHAYA HŪM HŪM HŪM PHAṬ PHAṬ PHAṬ – SVĀHĀ.

NAMAḤ ĀRYA AVALOKABHAYĀ NARĀ BODHISATTVĀ MAHĀ SATTVĀNI ADHIṢṬHĀNA ŚUDDHE VIŚUDDHE ŚODHAYA VIŚODHAYA HŪM PHAṬ SVĀHĀ.

2\_ NAMO RATNA-TRAYĀYA!.

NAMAḤ ĀRYA AVALOKITEŚVARĀYA BODHISATTVĀYA MAHĀ- SATTVĀYA MAHĀ-KĀRUNĪKĀYA!.

TADYATHĀ: OM\_ TĀRE TUTTĀRE TURE – SARVA DUṢṬĀM PARADUṢṬĀM MAMAKṚTE – JAMBHAYA, STAMBHAYA, MOHAYA, BANDHAYA HŪM HŪM HŪM PHAṬ PHAṬ PHAṬ! SARVA DUṢṬA STAMBHANI – TĀRE SVĀHĀ.

3\_ OM – TĀRAṆI – TĀRAṆI – MAHĀ- TĀRAṆI – SVĀHĀ

Do tín ngưỡng Tārā phát triển rất mạnh mẽ và sâu rộng trên đất nước Tây Tạng, nên các bậc Đại sư đã truyền dạy một số định thức về Thần chú để cho các Giáo đồ tiện dùng, Nay chúng tôi xin ghi lại phần định thức do **Đức Dalai Lama thứ nhất** truyền dạy và do **Stephan Beyer** biên soạn trong quyển “**The cult of Tārā**” từ trang 208 đến trang 210.

1. Định thức thứ nhất:

**Om – Tāre Tuttāre Ture – Sarva ..... śāntiṃ Kuru – Svāhā**

\_ Trừ Quỷ Thần: **Om – Tāre Tuttāre Ture – Sarva grahān śāntiṃ Kuru - Svāhā .**

\_ Trừ chúng nạn: **Om – Tāre Tuttāre Ture – Sarva vighnān śāntiṃ Kuru - Svāhā .**

\_ Trừ bệnh tật truyền nhiễm : **Om – Tāre Tuttāre Ture – Sarva vyādhīn śāntiṃ Kuru - Svāhā .**

\_ Trừ nhiệt bệnh: **Om – Tāre Tuttāre Ture – Sarva jvarān śāntiṃ Kuru - Svāhā .**

\_ Trừ bệnh hoạn: **Om – Tāre Tuttāre Ture – Sarva rogān śāntiṃ Kuru - Svāhā .**

\_ Trừ phiền não: **Om – Tāre Tuttāre Ture – Sarva upadravān śāntiṃ Kuru - Svāhā .**

\_ Trừ sự chết yểu phi thời: **Om – Tāre Tuttāre Ture – Sarva akāla-mṛtyūn śāntiṃ Kuru - Svāhā .**

\_ Trừ giấc mơ xấu: **Om – Tāre Tuttāre Ture – Sarva duṣvapanān śāntiṃ Kuru - Svāhā .**

\_ Trừ sự Bất Tuồng: **Om – Tāre Tuttāre Ture – Sarva durni mittāni śāntiṃ Kuru - Svāhā .**

\_ Trừ sự lầm lẫn: **Om – Tāre Tuttāre Ture – Sarva cittā kulāni śāntiṃ Kuru - Svāhā .**



2 Định thức thứ hai:

**Om – Tāre Tuttāre Ture – Sarva ..... Rakṣaṃ Kuru – Svāhā**

\_ Trừ oan gia và kẻ thù: **Om – Tāre Tuttāre Ture – Sarva śatrūbhyo Rakṣaṃ Kuru – Svāhā**

\_ Trừ chất độc, các loại độc: **Om – Tāre Tuttāre Ture – Sarva viṣebhyo Rakṣaṃ Kuru – Svāhā**

\_ Trừ Chú Trớ Yểm Đảo: **Om – Tāre Tuttāre Ture – Sarva kṛtyā-kākhordebhyo Rakṣaṃ Kuru – Svāhā**

\_ Trừ binh trận: **Om – Tāre Tuttāre Ture – Sarva yudhebhyo Rakṣaṃ Kuru – Svāhā**

\_ Trừ sự phiền não tai nạn: **Om – Tāre Tuttāre Ture – Sarva bhaya upadrvaebhyo Rakṣaṃ Kuru – Svāhā**

\_ Trừ hành động xấu ác: **Om – Tāre Tuttāre Ture – Sarva duṣkṛtebhyo Rakṣaṃ Kuru – Svāhā**

3 Định thức thứ ba:

**Om – Tāre Tuttāre Ture ..... Svāhā.**

\_ **Om – Tāre Tuttāre Ture – Sarva bhaya vimocana – Rāja, caura, Agni, Viṣa, Udaka bhayāni praśamaya – Svāhā.**

(Om Tāre Tuttāre Ture – Vượt thoát mọi sự sợ hãi, chận đứng, tiêu diệt sự sợ hãi về: vua chúa, trộm cướp, lửa, thuốc độc, nước - Svāhā)

\_ **Om – Tāre Tuttāre Ture – Sarva bandhana – Taḍana – Rāja, Taskara, Agni, Udaka, Viṣa śastrāni parimocaka – Svāhā.**

(Om Tāre Tuttāre Ture – Vượt thoát mọi sự trói buộc, sự đánh đập, vua chúa, trộm cướp, lửa, nước, thuốc độc, dao gậy - Svāhā)

\_ **Om – Tāre Tuttāre Ture – Sarva pāpam Āvaraṇa viśuddhe – Svāhā.**

(Om Tāre Tuttāre Ture – Tinh lọc hoàn toàn mọi tội lỗi và chướng ngại – Svāhā)

\_ **Om – Tāre Tuttāre Ture \_ mama dhana sarva cora bandha \_ Svāhā**

(Om Tāre Tuttāre Ture \_ Cột trối tất cả giặc cướp của cải của tôi \_ Svāhā)

\_ **Om – Tāre Tuttāre Ture \_ Asmān apakāra sarva cora bandha \_ Svāhā**

(Om Tāre Tuttāre Ture \_ Cột trối tất cả trộm cướp, kẻ gây ra thiệt hại cho chúng tôi \_ Svāhā)

\_ **Om – Tāre Tuttāre Ture \_ Dhanam me Dehi – Svāhā** (Om Tāre Tuttāre Ture – Hãy ban cho tôi sự giàu có - Svāhā)

4 Định thức thứ tư:

**Om – Tāre Tuttāre Ture ..... Puṣṭim Kuru – Svāhā.**

\_ Tăng trưởng Thọ Mệnh, Phước Đức, Trí Tuệ: **Om – Tāre Tuttāre Ture – Mama Āyuh puṇye jñāna Puṣṭim Kuru – Svāhā.**

\_ Tăng trưởng năng lực Công Đức: **Om – Tāre Tuttāre Ture – puṇya Puṣṭim Kuru – Svāhā.**

\_ Tăng trưởng Trí Tuệ: **Om – Tāre Tuttāre Ture – Prajña Puṣṭim Kuru – Svāhā.**

*Tóm lại:* Tuy Thần chú căn bản của các Đa La Tôn có nhiều sự sai khác, nhưng đây chỉ là pháp lưu truyền của từng Dòng Phái mà thôi. Thực tế muốn tu tập Chân Ngôn được hiệu nghiệm thì điều căn bản là phải biết **thành thật với chính mình** và người khác. Ngoài ra còn phải giữ gìn kỹ lưỡng Tam quy, Ngũ giới, tám Biệt Giới Giải Thoát đồng thời cần phải tránh xa và diệt trừ cho được tâm ý **tự ti mặc cảm và tự cao ngã mạn**, phát huy tâm ý **bình đẳng như thật**. Có như thế Hành Giả mới dần dần thâm nhập vào Tâm Đại Bi của Bản Tôn và thành tựu được mọi lợi ích mà Kinh Điển ghi nhận là: “*Nếu tu trì Chân Ngôn này thì hãy cắt đứt sinh tử luân hồi, tiêu trừ các ma chướng, nghiệp chướng, bệnh khổ, ... và hay tiêu tai, tăng phước, sống lâu, rộng mở Trí Tuệ. Phàm có sự mong cầu thì không có gì không thành tựu, sau khi mệnh chung sẽ vãng sanh về Thế giới Cực Lạc.*”



## MAN ĐA LA CỦA ĐA LA BỒ TÁT

Do **Đa La Bồ Tát** hay Thánh Cứu Độ Phật Mẫu rất ư dung dị gần gũi, sự rất dung dị ấy giúp cho con người dễ đạt được Pháp Môn tương ứng. Trong thực tế có người một đời chuyên tu Pháp Độ Mẫu đắc được Trí Tuệ rất lớn

Nếu như con người thường siêng năng niệm tụng, ắt hay đoạn trừ dần dần nguồn cội của sự Luân Hồi. Người tu trì thành tựu Pháp Môn Độ Mẫu được miễn trừ tất cả Ma Chướng, Ôn Dịch, bệnh khổ. Tiêu trừ tất cả kiếp nạn về nước, lửa, đao binh, trộm cắp... kèm hay tăng trưởng Phước Tuệ, quyền uy, thọ mệnh. Phàm có sự mong cầu thì không có gì chẳng như nguyện, khi mệnh chung thời sinh về cõi Cực Lạc.

Người tu tập thành tựu Pháp Môn Độ Mẫu được trừ tất cả nghiệp tội, tiêu diệt Ma Chướng, hay cứu tất cả tai nạn, mau được vô lượng Công Đức viên mãn, sống lâu, phú quý đều hay như nguyện. Công Đức ấy lợi ích rộng lớn vô lượng chẳng thể nghĩ bàn.

Quá khứ, tại Ấn Độ với đất Tây Tạng, người tu thành tựu Pháp Môn này với đạt được dấu hiệu của điềm lành chẳng thể nêu bày hết được, đến nay vẫn rộng làm lưu truyền.

Do vậy, ngoài các Tôn Tượng, các bậc Đạo Sư Mật Giáo còn truyền thụ rất nhiều dạng thức Man Đa La của Đa La Bồ Tát

\_Man Đa La của Lục Độ Mẫu:







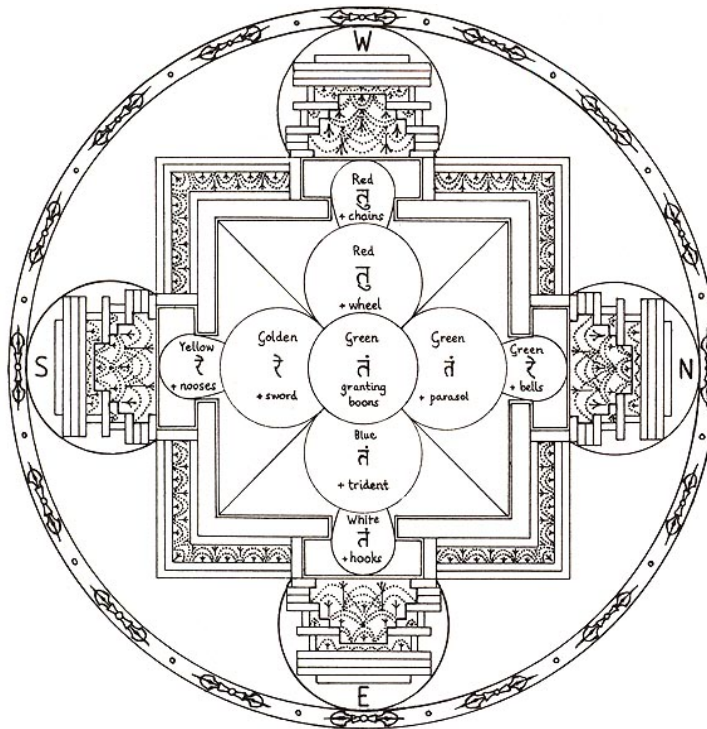


Man Đa La của Bạch Độ Mẫu:





Man Đa La của 9 Tārā:





- .)Trung ương: Tārā màu xanh lá cây (chủng tử TAM)
- .)Phương Đông: Tārā màu xanh dương (chủng tử TAM)
- .)Phương Nam: Tārā màu vàng ròng (chủng tử RE)
- .)Phương Tây: Tārā màu đỏ (chủng tử TU)
- .)Phương Bắc: Tārā màu xanh lục (chủng tử TAM)
- .)Cửa Đông: Tātā-aṅkuśī (Tārā Câu) màu trắng (chủng tử TAM)
- .)Cửa Nam: Tārā-pāśī (Tārā Sách) màu vàng (chủng tử RE)
- .)Cửa Tây: Tārā-sphoṭā (Tārā Tỏa) màu đỏ (chủng tử TU)
- .)Cửa Bắc: Tārā Ghaṇṭā (Tārā Linh) màu xanh lục (chủng tử RE)



Man Đa La của 21 Tārā:



Man Đa La Tối Thượng Du Già của Lục Tārā



Man Đa La Tối Thượng Du Già của Bạch Tārā

